

ĐC

9(V)24

L 302 S

ĐẢNG BỘ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
HUYỆN XUÂN LỘC

LỊCH SỬ
Đấu tranh
Cách mạng
CỦA
HUYỆN XUÂN LỘC



NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
HUYỆN XUÂN LỘC

LỊCH SỬ ĐẤU TRANH
CÁCH MẠNG CỦA
HUYỆN XUÂN LỘC
NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

1985

LỜI GIỚI THIỆU

Nhìn lại chặng đường 55 năm qua, chúng ta xiết bao tự hào về những công hiến lớn lao của Đảng bộ, quân dân huyện Xuân Lộc trong sự nghiệp đấu tranh cách mạng của toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh.

Xuân Lộc là một huyện địa đầu của các tỉnh miền Đông Nam Bộ, là nơi tập trung nhiều đồn điền cao su lớn của thực dân Pháp trước đây. Cư dân bản địa chủ yếu là đồng bào dân tộc ít người: Châu Ro, Xe Tiêng và công nhân cao su. Họ vốn là những người cùng khổ bị áp bức bóc lột nặng nề. Từ ngày có Đảng, nhân dân Xuân Lộc một lòng một dạ theo Đảng đến cùng.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, quân dân Xuân Lộc đã lập được nhiều chiến công to lớn, chiến thắng La Ngà (1/3/1948), chiến thắng Xuân Lộc (tháng 4/1975) đã đi vào lịch sử kháng chiến của dân tộc. Đội biệt động thị xã Long Khánh, dân quân du kích xã Bình Lộc, xã Bảo Vinh, nữ liệt sĩ Hồ Thị Hương, liệt sĩ Lê A đã được Quốc hội và Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân.

Trong quá trình đấu tranh cách mạng, Đảng bộ Xuân Lộc không ngừng trưởng thành và lớn mạnh về mọi mặt, lãnh đạo nhân dân vượt qua nhiều gian khổ, hy sinh, giành nhiều thắng lợi trong hai cuộc kháng chiến, giải phóng quê hương, góp phần xứng đáng vào chiến công chung cả nước.

Những trang sử vẻ vang đó là công lao, là xương máu, là sự hy sinh gian khổ của biết bao cán bộ, đảng viên, nhân dân trong huyện xây dựng vun đắp nên. Đó là vốn quý, là tài sản vô giá của nhân dân địa phương.

Ghi lại truyền thống và rút ra những bài học kinh nghiệm trong kháng chiến là trách nhiệm của Đảng bộ và nhân dân toàn huyện nhằm nâng cao lòng yêu mến quê hương, bồi dưỡng lòng tin tưởng, tự hào cho cán bộ đảng viên và nhân dân trong huyện hăng hái thi đua lao động sản xuất, công tác và chiến đấu góp phần xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; đồng thời giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ tiếp theo.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ 3 của Đảng bộ huyện, sự chỉ đạo của Ban thường vụ Tỉnh uỷ Đồng Nai, Huyện uỷ Xuân Lộc với sự giúp đỡ của Phòng lịch sử Đảng – Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Đồng Nai, phân viện lịch sử Bộ quốc phòng tại thành phố Hồ Chí Minh, Phòng lịch sử quân sự Quân khu 7, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai, Nhà xuất bản Tổng hợp Đồng Nai và sự đóng góp nhiều tư liệu quý của đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân đã giúp cho việc hoàn thành tập sách : ***“Lịch sử đấu tranh cách mạng của huyện Xuân Lộc”***.

Lịch sử đấu tranh cách mạng vốn rất phong phú sinh động và cụ thể... Công tác sưu tầm tư liệu, nghiên cứu, tổng kết, biên soạn là công tác khoa học có nhiều khó khăn phức tạp, hơn nữa do thời gian hạn chế, trình độ những người biên soạn có hạn nên có thể chưa phản ánh đầy đủ được những sự kiện lịch sử diễn ra. Do đó chắc chắn cuốn sách khó tránh khỏi thiếu sót.

Để tiếp tục bổ sung, chỉnh lý cho lần in sau, chúng tôi mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp đông đảo của bạn đọc.

Nhân dịp này, thay mặt Ban chấp hành Đảng bộ huyện Xuân Lộc, chúng tôi xin chân thành cảm ơn các cơ quan, các đồng chí và đồng bào đã đóng góp công sức của mình trong việc sưu tầm, biên soạn và xuất bản tập sách quý báu này.

Xuân Lộc, ngày 10 tháng 1 năm 1985

T/M. Ban Thường Vụ Huyện Ủy Xuân Lộc

Bí thư

TRẦN VĂN THI

PHẦN MỞ ĐẦU

XUÂN LỘC

Xuân Lộc là một huyện thuộc tỉnh Đồng Nai. Trước Cách mạng tháng Tám và trong kháng chiến chống Pháp, Xuân Lộc là một huyện của tỉnh Biên Hoà, bao gồm đất đai ba huyện Tân Phú, Xuân Lộc, Thống Nhất ngày nay. Năm 1975, chính quyền Ngô Đình Diệm cắt Xuân Lộc khỏi tỉnh Biên Hoà, lập tỉnh Long Khánh, chia Long Khánh ra nhiều huyện: Định Quán, Xuân Lộc, Kiệm Tân. Để thuận tiện cho đấu tranh chống địch, ta cũng tổ chức tỉnh Long Khánh và chia ra nhiều huyện: Xuân Lộc, Định Quán, Cao Su và thị xã, về sau còn thêm huyện Thống Nhất. Về tỉnh có lúc Long Khánh là tỉnh riêng, có lúc Long Khánh nhập với Bà Rịa thành tỉnh Bà Rịa – Long Khánh, hoặc nhập với cả Biên Hoà thành Bà Long Biên.

Huyện Xuân Lộc nằm phía đông tỉnh Đồng Nai, cách thành phố Hồ Chí Minh 80 km về phía đông – đông bắc, cách bờ biển ở phía nam 40 km đường chim bay, đông giáp tỉnh Thuận Hải, nam giáp huyện Xuyên Mộc, huyện Châu Thành, tây giáp huyện Long Thành, huyện Thống Nhất, bắc giáp huyện Tân Phú.

Diện tích Xuân Lộc 1.300,26 ki-lô-mét vuông.

Địa hình Xuân Lộc là địa hình vùng cao nguyên trung du thấp nhô lượn sóng. Độ dốc trung bình từ 0° đến 10° theo hướng tây bắc – đông nam. Độ cao trung bình 100 mét so với mặt biển. Độ cao thấp nhất 30 mét (suối Quýt).

Xuân Lộc có nhiều đồi núi: núi Đất, núi Thị, núi Tung, núi Hang Dơi, đồi Tân Thủy, đồi Tân Phong, núi Đầu Rìu, núi Cam Tiêm, núi Bể Bạc, núi Mây Tàu (534 m), cao nhất là núi Chứa Chan (837 m). Các núi, đồi phần lớn là miệng núi lửa ngày xưa. Một số ngọn núi qua thời gian khai phá, mở đường và trồng trọt đã trở thành khó nhận.

Sông Là Ngà phát nguyên từ cao nguyên Bảo Lộc, chảy qua Xuân Lộc đổ về sông Đồng Nai. Sông Ray dài 45 ki-lô-mét, bắt nguồn từ đồi Tân Phong và núi Chứa Chan chảy xuống phía nam huyện, qua Xuyên Mộc ra cửa Lộc An. Nhiều suối nhỏ có nước

quanh năm hoặc một mùa. Suối Tre, Suối Rét, suối Cát, suối Râm, suối Hòn, suối Gia Liêu, suối Gia Huỳnh, suối Nước Lạnh, suối Háp.

Căn cứ vào địa hình và thổ nhưỡng có thể chia huyện Xuân Lộc thành bốn vùng với hai loại đất, vùng cao và bằng phẳng phía tây tây bắc. Vùng thấp ở về phía đông nam là hai vùng đất đỏ ba-dan. Vùng nhấp nhô quanh núi Chứa Chan, vùng thoi thoi ở phía đông bắc là vùng đất xám trên phù sa, đất bạc màu trên gra-nít.

Xuân Lộc vốn là vùng rừng có nhiều gỗ quý như cẩm lai, gõ, giáng hương và nhiều muông thú. Qua khai phá vùng rừng lùi về phía đông bắc. Vùng trồng trọt thích hợp với cây công nghiệp (cao su, cà phê, hồ tiêu) cây lương thực (bắp, đậu).

Quốc lộ 1 và đường sắt Thống Nhất chạy qua Xuân Lộc từ đông sang tây. Quốc lộ 20 bắt đầu từ Dầu Giây trên quốc lộ 1 chạy theo hướng bắc – đông bắc lên Bảo Lộc, Đà Lạt. Liên tỉnh lộ 2 từ ngã ba Tân Phong trên quốc lộ 1 chạy theo hướng nam – tây nam về Bà Rịa và Long Hải, liên tỉnh lộ 3 từ ngã ba Gia Ray (Xuân trường) trên quốc lộ 1 chạy lên Võ Đắc (Thuận Hải). Ngoài ra còn nhiều đường ngang dọc các sỏ, các nông trường cao su và các đường làm be.

Xuân Lộc trong lịch sử xa xưa.

Những di chỉ phát hiện trước đây và nhất là sau khi miền nam hoàn toàn giải phóng ở các địa điểm Bình Lộc, Phú Hoà, núi Đất, Hàng Gòn, Cam Tiêm, suối Chôn, suối Háp. Đặc biệt ngôi mộ cổ gồm nhiều khối đá lớn, có những trụ đá cao 7m20 và hàng trăm rìu và qua bằng đồng tìm được ở vùng Long Giao đã chứng minh:

- Có một thời đại đồ đá cũ, thời đại loài người xuất hiện với tuổi sớm nhất khoảng 60, 70 vạn đến 1 triệu năm đã tồn tại ở Xuân Lộc, ở Đông Nam Bộ.

Tại đây có một nền văn minh cổ, có truyền thống 4000 năm. Nền văn minh ấy có quan hệ gắn bó với nền văn minh sông Hồng với nền văn hoá Đông Sơn.

Lê Quý Đôn, trong sách Phủ biên tạp lục (1776) viết: “Đất Đồng Nai từ các cửa biển Cần Giờ, Soài Lạp, cửa Tiểu toàn là từng rậm mấy ngàn dặm”

Trải qua nhiều thời đại, qua nhiều biến thiên của lịch sử, đến thế kỷ XIX vùng Xuân Lộc hầu hết còn là mảnh đất hoang vu rừng rậm, nhiều thú dữ và nước độc. Chủ nhân là đồng bào các dân tộc sống từng cụm rải rác ven các con suối chẹt giữa rừng nguyên thủy, trong các nhà sàn cao và nhỏ.

Về đơn vị hành chính, từ 1698, chúa Nguyễn Phúc Chu chia đất Đồng Nai – Gia Định thành hai dinh Trấn Biên và Phiên Trấn. Thời Tây Sơn, chia làm bốn dinh: Trấn Biên, Phiên Trấn, Vĩnh Trấn, Trấn Định. Triều Minh Mạng phân làm sáu tỉnh: Biên Hoà, Gia Định, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên. Xuân Lộc mới đặt thành huyện với tên là Long Khánh, thuộc phủ Phước Tuy, tỉnh Biên Hoà (1837). Lấy tên là Long Khánh vì là địa phận trước đây thuộc hai phủ Long An và Phước Khánh.

Năm 1865, sau khi đánh chiếm ba tỉnh miền Đông, đế quốc Pháp đặt sở tham biện Bảo Chánh. Năm 1866 lập tiểu khu Bảo Chánh. Năm 1899 thiết lập chính quyền thuộc địa ở Nam Kỳ. Tại Long Khánh, quận núi Chứa Chan được thành lập với ba xã Bình Lộc, Gia Ray, Tân Lập, sau phát triển ra bảy xã nữa và chuyển thành quận Võ Đắc. Năm 1912, để bảo vệ các đồn điền cao su, thực dân Pháp bãi bỏ quận Võ Đắc, thành lập quận Xuân Lộc, đặt quận đường ở gần ga Xuân Lộc.

Quận Xuân Lộc lúc này có 3 tổng gồm 18 xã – Tổng Bình Lâm Thượng có 6 xã: Xuân Lộc, Tân Phong, Hưng Lộc, Túc Trung, Võ Định, Đông Thành, Bàu Hàm và Võ Quan, Tổng An Viễn gồm 6 xã Cẩm Tiêm, Cẩm Mỹ, Bảo Mỹ, Thới Giao, Cẩm Ngôn và Cẩm Đường. Quận Xuân Lộc được đế quốc Pháp coi là đất quân sự và đặc quan bình cai trị.

Sự khai phá đất đai và hình thành khu dân cư của đồng bào các dân tộc Châu Ro, Xê Tiêng người chủ lâu đời trên mảnh đất Xuân Lộc.

Bước vào thế kỷ XX, thực dân Pháp bắt đầu khai thác Đông Dương. Năm 1904 làm xong đường xe lửa Sài Gòn – Xuân Lộc, năm 1905 ra Gia Ray, năm 1910 ra Mùong Mán. Công nhân đường sắt cất chòi ở và làm việc trên đoạn đường sắt. Các ấp xóm nhỏ người Kinh từ đó hình thành. Năm 1906, sau khi đem cây cao su từ Braxin đến trồng ở vùng đất đỏ Biên Hoà, công ty đồn điền cao su Đông Dương SIPH do tên Pháp thực dân Su-da-na lập ra, triển khai làm đồn điền cao su ở Xuân Lộc. Chúng đuổi người dân tộc, chiếm vùng đất đỏ trồng cao su. Nhân dân các dân tộc đành bỏ những mảnh đất màu mỡ, bỏ buôn sóc của mình đi lập nghiệp ở nơi đất xám, đất trắng và góit miếng đất nơi ở trình cho chủ đồn điền mới yên. Năm 1911, lại thêm công ty đồn điền cao su Xuân Lộc, Chủ công ty là Đờ-ba-đê, cha nuôi của Bảo Đại.

Hai công ty độc quyền mở đồn điền ở Xuân Lộc. Công ty SIPH lập các đồn điền An Lộc, Bình Lộc, Dầu Giây, Cam Tiêm, Túc Trưng, Cây Gáo, Trảng Bom. Công ty cao su Xuân Lộc lập sở ở Hàng Gòn. Để lập và mở mang các đồn điền các công ty bắt người dân tộc làm xâu không công, mộ dân phu là nông dân cùng cực các tỉnh Bình Trị Thiên, Quảng Nam và một số công ty SIPH đã mộ 316.000 người có giấy hợp đồng (Công tra).

Cùng thời gian trên một số dân ở các nơi cũng về đây làm be, làm rẫy, làm ruộng, buôn bán.

Năm 1910, dân số huyện Xuân Lộc khoảng 5000 người, năm 1945 đã lên đến 30.000 trong đó 20.000 là công nhân cao su, kể đến là đồng bào các dân tộc ít người.

Từ năm 1954 đến 30-04-1975 có nhiều đợt đồng bào di cư hoặc vào lập nghiệp ở Xuân Lộc. Năm 1954 khoảng 30.000 đồng bào Thiên chúa giáo di cư được đưa tới định cư ở Bình Lộc, Túc Trưng, Bảo Định, Gia Kiệm. Năm 1959, 1969, 1970 địch hốt dân vùng gần nam giới tuyền vào Long Khánh. Đồng thời đồng bào các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên và các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Bình Thuận, tránh địch khủng bố dữ dội ở địa phương kéo vào lập nghiệp trên 12.000 gia đình (50.000 người). Đồng thời, binh sĩ nguy đã từng đóng tại Xuân Lộc, đã đưa hàng chục gia đình và người thân về sống ở đây. Năm 1970, khoảng 7.282 dân Việt kiều ở Cam-pu-chia hồi hương, năm 1972, hàng ngàn dân ở Lộc Ninh bị địch đưa về Xuân Lộc định cư, đã đưa số dân Xuân Lộc (Long Khánh) lên tới 172.000 người.

Từ ngày miền Nam được giải phóng, đồng bào nhiều nơi về đây xây dựng các vùng kinh tế mới. Đồng thời số công nhân ở các nông trường cao su gia tăng theo đà phát triển sản xuất cao su.

Trong 20 năm chiến tranh chống Mỹ, dân số Xuân Lộc tăng lên 6 lần. Trong 10 năm nay, dân số lại tăng lên gấp 3. Tính đến đầu năm 1985, số dân Xuân Lộc khoảng 265.000 người, trong đó có khoảng 10.000 đồng bào các dân tộc như Châu Ro, Xê Tiêng, Mạ, Chăm, Ra Đê, Khơ Me, Nùng, Tày, Mán, Thái. Xuân Lộc hội tụ người dân có nguyên quán hầu như ở cả bốn mươi tỉnh và thành phố trên cả nước, trong đó thành phố Hồ Chí Minh 20.000, Bình Trị Thiên 15.000, Phú Khánh 5.000 Thuận Hải trên 4.000, Quảng Nam – Đà Nẵng gần 4.000

Huyện có diện tích tự nhiên: 130.026 héc ta, đất canh tác toàn huyện là 72.102 héc ta. Diện tích gieo trồng nông nghiệp: 46.837 ha (lúa 8.755 ha). Diện tích trồng cây lâu năm 25.264 ha (Cao su 19.012 ha)

Xuân Lộc có 7 nông trường cao su: Bình Lộc, Dầu Giây, An Lộc, Cẩm Đường, Ông Quế, Hàng Gòn, Cẩm Mỹ.

Xuân Lộc gồm hai thị trấn là: Xuân Lộc và Sông Ray, 16 xã là: Xuân Bình, Xuân Vinh, Xuân Thọ, Xuân Hiệp, Xuân Trường, Xuân Hưng, Xuân Thành, Xuân Hoà, Xuân Định, Xuân Tân, Xuân Mỹ, Xuân Lập, Xuân Tâm, Xuân Bắc, Xuân Đường, Xuân Phú.

Khác với các huyện vốn đông dân nhiều của hậu như đã ổn định từ trước, Xuân Lộc là một huyện đã và đang trong quá trình khai phá xây dựng, phát triển. Từ ngày đất nước được giải phóng, tốc độ xây dựng phát triển của Xuân Lộc ngày càng mạnh mẽ, Xuân Lộc ngày một đổi mới.

Xuân Lộc là một trung tâm trồng cây cao su, cà phê, loại cây công nghiệp chiến lược, một trung tâm của phong trào công nhân cao su. Tỉ trọng đóng góp của Xuân Lộc về cao su chiếm khoảng 1/3 so với cả nước. Công ty cao su Đồng Nai đặt trụ sở tại Xuân Lộc. Phong trào đấu tranh cách mạng của công nhân Xuân Lộc góp phần đáng kể trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ ở miền Đông Nam Bộ.

Trong thực tế xây dựng và tiến hành chiến tranh cách mạng, Xuân Lộc là một địa bàn có ý nghĩa chiến lược.

Xuân Lộc là một căn cứ hậu phương của chiến tranh cách mạng của miền Đông Nam Bộ, quân Pháp đánh chiếm Đồng Nai, Gia Định lần thứ nhất, phó đề đốc Lê Quang Tiên lập đồn ở Long Giao. Suối Rét. Trương Định, lập căn cứ tại vùng Giao Loan, Rừng lá. Chín năm kháng chiến chống Pháp, núi Chứa Chan, khu Rừng Lá, là căn cứ kháng chiến. Đội ngũ thanh niên công nhân cao su làm nòng cốt cho nhiều chi đội, trung đoàn. Trong kháng chiến chống Mỹ, chính từ các đồn điền cao su và vùng đồng bào dân tộc mà lực lượng ta xây dựng lại và phát triển. Căn cứ khu miền Đông nhiều lúc đặt ở Xuân Lộc tại đồi Mặt Trăng, núi Mây Tàu, Rừng Lá. Sư đoàn bộ binh 5 của ta là cơ sở hậu phương cho các chiến thắng Là Ngà, Bình Giã, Đồng Xoài, Xuân Lộc 1975.

Xuân Lộc là đầu mối giao thông, là hành lang chiến lược là một địa bàn cơ động lực lượng và cũng là chiến trường tiêu diệt địch lớn. Là vùng trung du nằm ở địa đầu Nam Bộ, dính liền với cực nam Trung Bộ, với Tây Nguyên, gần bờ biển, Xuân Lộc lại nằm vào đầu mối giao thông. Đây là mảnh đất tiên có thể đánh, lùi, có thể giữ. Hành lang giao thông tiếp cận cho Nam Bộ; Sự chuyển vận từ biển vào khu miền Đông thường xuyên qua Xuân Lộc. Nhiều trận đánh lớn diễn ra đây. Ngày Nam Bộ kháng chiến, bộ đội Nam tiến hội tụ về Xuân Lộc để tiến công quân thù. Quân giặc thất thế kéo về vùng này xây dựng khu cố thủ. Quân Mỹ khi xuống thang chiến tranh cũng đổ về đây đánh phá trước khi rút về nước.

Trước đây, quân Pháp coi Xuân Lộc là đất quân sự, ngăn chặn quân ta tiến về Sài Gòn. Đế quốc Mỹ tập trung quân giữ phòng tuyến Xuân Lộc. Và khi các quân đoàn chủ lực cùng nhân dân Xuân Lộc đập tan tuyến án ngữ vững nhất củ địch ở đây thì cửa vào giải phóng Sài Gòn – Gia Định đã mở ra.

PHẦN MỘT

PHONG TRÀO ĐẤU TRANH

CÁCH MẠNG TỪ NĂM 1930 ĐẾN

NĂM 1945. CÁCH MẠNG THÁNG

TÁM Ở XUÂN LỘC

I – NHÂN DÂN XUÂN LỘC DƯỚI ÁCH THỐNG TRỊ CỦA THỰC DÂN TƯ BẢN VÀ ĐỊA CHỦ PHONG KIẾN

Vào đầu thế kỷ XX, thực dân Pháp bắt đầu khai thác đất nước ta với quy mô lớn.

Năm 1906, thực dân Pháp bắt đầu thành lập các công ty cao su ở Đông Dương mà Xuân Lộc (Biên Hoà) là một trong những vùng đất đỏ ba-dan lý tưởng để lập đồn điền trồng cao su.

Chính quyền thực dân trao cho bọn chủ sở mọi quyền sinh sát, quyền cai trị trong các đồn điền. Ở đây không có một thứ luật pháp nào cả. Luật pháp của bọn chủ đồn điền là đánh đập, hãm hiếp và cúp phạt.

Bà con công nhân cao su ở Xuân Lộc không bao giờ quên được những bộ mặt nham hiểm của các tên thực dân khát máu: Đờ-ba-dê, Bô-tăng (ở sở hàng Gòn) tên xếp mũi lỗ (sở Cuộc-tô-nay) tên Abu (sở Cam Tiêm), tên Đờ-la-sên (sở 97), tên Ác-chê (sở An Lộc)... và các tên tay sai gian ác: Chính Vinh, cai Kỳ, xếp Quyệt, xếp Ba Cự, xu Ly, xu Huỳnh...

Chúng đánh người, giết người không gớm tay, tên Đờ-la-phê ở Suối Tre, khi ra lô, thường mang theo hàng đàn chó Béc-giê để hành hạ cắn xé công nhân. Tên Đờ-la-sên ra đường gặp ai hấn không ưa là kiếm cớ đánh. Gặp một công nhân đánh xe bò hấn hạch hỏi: “Tại sao mày biết đội nón mà không đội nón cho bò”, rồi hấn đánh anh công nhân này cho đến học máu mồm, máu mũi mới thôi.

Ở các đồn điền, thông thường công nhân phải làm việc đầu tắt mặt tối, mỗi ngày làm từ 12 đến 13 giờ. Đồng lương người công nhân được hưởng rất ít ỏi chúng tính chi li, làm sao để chưa hết tháng công nhân đã hết tiền, quyết không cho dành dụm đồng xu nào, sợ công nhân có tiền tàu xe sẽ trốn về hết.

Vấn đề ăn ở của công nhân thì rất “đặc biệt”. Quanh năm bọn chủ thường pháp gạo ẩm và cá khô mục. Lán trại chẳng khác gì chuồng chăn nuôi bò ngựa của bọn chủ Tây.

Nạn thiếu nước, muỗi mòng, vắt, kiến cũng là tai họa thường xuyên đối với công nhân. Trong các đồn điền ở Xuân Lộc 100% công nhân bị mắc bệnh sốt rét rừng, trong đó hơn 15% đã chết vì bệnh này. Bệnh sâu quảng cũng lan tràn trong các đồn điền. The tài liệu còn lưu trữ thì ở công ty SIPH số công nhân bị bệnh sâu Quảng từ năm 1930 đến 1935 chiếm tỷ lệ 5,5% so với tổng số công nhân cao su miền Đông Nam Bộ.

Ăn uống thiếu thốn, làm việc cực nhọc, nay bị hành hạ mai bị đánh đập dẫn đến tình trạng công nhân cao su ốm đau liên miên và tỷ lệ tự vong vì bệnh tật rất cao. Ngay tên thực dân Rôbocanh (Robecuiain), kẻ đã hết lời ca tụng sự nghiệp mở mang và phát triển kinh tế của thực dân Pháp, khi đến kiểm tra tình hình công nhân đồn điền cao su ở Biên Hoà đã phải thú nhận: Trong số 502 công nhân làm việc ở đây tỷ lệ người ốm chiếm 27,4% và người chết 26,9%.

Ở một số đồn điền bọn chúng đề ra một qui chế thú rừng là bọn chủ, cai, xu, xếp được toàn quyền sử dụng bất cứ một người đàn bà nào, bất kể người ấy có chồng hay chưa.

Để duy trì quyền lợi đồn điền, cùng với việc bóc lột, đàn áp, bọn tư bản thực dân đã dùng những thủ đoạn thâm hiểm phá vỡ tinh thần đoàn kết, bằng đủ mọi hình thức: chia rẽ công nhân giữa các miền, chia rẽ tôn giáo, chia rẽ dân tộc, chia rẽ nông dân với công nhân, chia rẽ công nhân mới với công nhân cũ...

Đặc biệt chúng gây hiểm khích, nghi kỵ chia rẽ giữa đồng bào dân tộc và công nhân. Chúng thưởng muối, thưởng tiền cho những ai bắt được công nhân cao su bỏ trốn, cứ bắt được một công nhân bỏ trốn mang về trình chủ là được thưởng 10 cân muối hoặc 5 đồng bạc. Ai mách cho chủ người có âm mưu bỏ trốn thì được thưởng 3 đồng. Nhiều công nhân bỏ trốn, bị chủ đồn điền bắt về hành binh. Ở Bình Lộc, trong khoảng 1930 – 1940, có nhiều công nhân bỏ trốn ra ngoài bia rừng, bọn chủ bắt được, đem treo trong các bao bố treo ngay ở sân điếm chúng bắt anh chị em công nhân khi ra lô phải dùng đòn đánh người anh em của mình cho đến chết.

Mặt khác, trước năm cách mạng tháng Tám 1945 trong các đồn điền bọn chủ Tây và xu, xếp tay sai còn tổ chức hoặc khuyến khích tổ chức nhiều sòng bạc, tiệm hút, tiệm rượu để bóc lột, tha hoá công nhân, làm cho bao nhiêu tiền bạc, tài sản của công nhân đều lọt vào tay bọn chủ sở xu xếp gian ác, suốt đời công nhân phải làm nô lệ cho chúng.

Cùng với bọn chủ đồn điền cao su, dựa vào thế lực của chính quyền thực dân Pháp bọn chủ be ở Xuân Lộc cũng bóc lột nhân dân lao động hết sức nặng nề. Những trại be của Lưu Văn Nghi, xếp ga Hương... mỗi năm khai thác hàng nghìn mét khối gỗ quý: cẩm lai, gõ, bằng lăng... cung cấp cho Pháp. Chúng bắt đồng bào dân tộc khai thác lâm thổ sản và chỉ trả với giá rẻ mạt. Vài cân muối, vài mét vải đổi hàng chục khối gỗ quý. Nhiều đồng bào bị cây đè chết, bị rắn rết, cọp vồ, phải vùi thây ở chốn rừng sâu.

Bọn địa chủ cấu kết với chủ tư bản Pháp áp bức bóc lột bà con nông dân một cách trắng trợn. Số ruộng rẫy mà bà con ta khai thác từ trước, bọn địa chủ bằng mọi cách khoét thâm độc dần dần chiếm hết. Chúng cho nông dân vay tiền lúa non đậu non một vốn bốn lời. Ai không có tiền trả, thì cứ lãi mẹ đẻ lãi con cuối cùng chúng đoạt luôn

ruộng đất. Người nào chống lại, chúng bắt trời và cho ngựa kéo lê trên đường đến chết. Ruộng đất Xuân Lộc dần dần tập trung trong tay các tên địa chủ. Hội đồng Mai, cả Lụa, chiếm toàn bộ ruộng Bảo Chánh; xã Hữu chiếm đoàn bộ ruộng cây Da, Định Quán v.v.. Với số ruộng cướp đoạt được này, bọn chúng trở lại phát canh thu tô để làm giàu.

Lợi dụng bản chất thật thà, chất phác của đồng bào Châu Ro, Xê Tiêng, tên thực dân Ualara khi vừa bước chân đến Xuân Lộc, hắn đã thâm nhập sâu vào vùng đồng bào dân tộc. Thường ngày hắn cùng bộ hạ mang muối, hạt cườm, trầu cau, chỉ ngũ sắc... vào các buôn sóc ở Bảo Chánh, Gia Ray, Võ Đắc, Định Quán... để mua chuộc và lôi kéo đồng bào dân tộc. Hắn cưới vợ người Châu Ro, Xê Tiêng. Có lúc hắn cũng đóng khổ, ăn mặc như đồng bào dân tộc, uống rượu cần với bà con. Hắn còn cho đúc tượng đồng của hắn ở ngã ba Gia Ray để ghi công lao (khai phá mở mang) của hắn.

Bị tước đoạt hết ruộng đất, cộng thêm vào đó là chính sách thuế nặng nề, nhất là thuế thân làm cho đồng bào ta càng thêm điêu đứng. Mỗi dân đinh mỗi năm phải đóng 4 đồng 50, trong lúc đó thường đến mùa giáp hạt bà con phải ăn bột buông củ rừng, sống qua ngày, vì vậy, hàng năm chúng bắt hàng ngàn đồng bào dân tộc phải đi xâu làm đường để trừ vào khoản tiền thiếu thuế. Bà con nông dân Xuân Lộc đã đổ biết bao máu xương, nước mắt cho việc xây dựng các tuyến đường sắt Biên Hoà – Mùông Mán, các tuyến đường như lộ 20, lộ 2, lộ 3...

Đói rét, bệnh tật đã đưa đồng bào đến chỗ chết dần chết mòn. Trước cách mạng tháng 8-1945 có nhiều trận dịch tả đã làm chết hàng trăm người. Nhiều buôn sóc của đồng bào Châu Ro, Xê Tiêng sau trận dịch đã trở thành hoang tàn không còn một người.

Về học tập, cả quận chỉ có một trường tiểu học dành cho con em bọn công chức, quan lại, bọn địa chủ, bọn tay sai thực dân Pháp. Toàn quận hơn 95% dân mù chữ. Khi đau ốm, không có thuốc chữa bệnh. Một vài nhà thương, trạm xá trong quận chỉ là những cơ sở để phục vụ cho tầng lớp trên. Chỗ dành cho công nhân nông dân nghèo, như bà con ta thường nói là những nhà thương chuồng bò. Ốm kiệt sức mới đến bệnh viện, vào nhà thương là đi đến huyệt, 90% bệnh nhân nhà thương đã vĩnh viễn không bao giờ trở lại gia đình. Nghĩa địa Dầu Giây, nghĩa địa 97 là nơi vùi chôn hàng nghìn công nhân, nông dân dưới chế độ thực dân.

Công nhân cao su và các tầng lớp nghèo khác chiếm hơn 95% dân số ở Xuân Lộc, sống dưới 3 tầng áp bức bóc lột của tư bản, thực dân, địa chủ phong kiến, đời sống bần cùng nhân dân Xuân Lộc không có con đường nào khác là vùng dậy đấu tranh đánh đổ đế quốc và tay sai.

II – PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG CỦA NHÂN DÂN XUÂN LỘC TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

Trước khi có ánh sáng của đảng vào Xuân Lộc, đã có nhiều cuộc đấu tranh tự phát của công nhân ở các đồn điền cao su và nông dân ở địa phương. Tháng 12-1926, hàng trăm công nhân ở Cam Tiêm đã nổi dậy đấu tranh chống đánh đập, đòi đau ốm phải được điều trị. Đặc biệt, ngày 20-09-1928, cũng tại sở Cam Tiêm, hơn 500 công nhân tiếp tục đứng lên đấu tranh. Trước sức mạnh đấu tranh của công nhân bọn chủ sở hoảng sợ bỏ trốn. Chính quyền thực dân vội vã cho binh lính đến đàn áp, bắn giết dã man làm hàng chục công nhân chết và bị thương. Một số khác phải di tản vào rừng, cuộc đấu tranh này đã làm xôn xao dư luận trong và ngoài nước. Tổng liên đoàn lao động Pháp đã lên tiếng phản đối sự đàn áp của bọn thực dân, và đã đồng tình ủng hộ cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam nói chung và công nhân Cam Tiêm nói riêng.

Hoà với khí thế đấu tranh của công nhân cao su Cam Tiêm, hàng chục cuộc đấu tranh của công nhân các sở cao su Bình Lộc, Cuộc-tơ-nay, An Lộc... và đồng bào Châu Ro, Xê Tiêng ở Xuân Lộc cũng tiếp tục nổ ra... những cuộc đấu tranh tự phát đó đều bị dìm trong máu.

* *

*

Ngày 3-2-1930 Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập.

Tại Biên Hoà, ngay từ những năm 1930-1931 đồng chí Ngô Gia Tự, bí thư xứ uỷ Nam Bộ đã cử các đồng chí Nguyễn Xuân Cừ, Nguyễn Đức Văn... về xây dựng cơ sở Đảng tại các đồn điền cao su, nhà máy, trường học. Nhiều cuộc đấu tranh của công nhân và nông dân nổ ra trong tỉnh. Tiêu biểu là cuộc đấu tranh của công nhân đồn điền cao su Phú Riêng ngày 3-2-1930 đã có tác động lớn đối với phong trào đấu tranh cách mạng trong toàn quốc, trực tiếp là các đồn điền cao su mà Xuân Lộc, một trong những trung tâm tập trung nhiều đồn điền cao su lớn của miền Đông Nam Bộ.

Năm 1934 đến 1937, các đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa, Trương Văn Bang, Trần Văn Cừ và nhiều đồng chí khác đã xây dựng được một số cơ sở của Đảng trong các đồn điền cao su lộ 2 (Hàng Gòn, Cam Tiêm, Suối Rét, Chợ Cầu...) cho đến Xuân Lộc... với danh nghĩa là thầy dạy võ tập gông, các đồng chí đã đi từ sở này đến cơ sở khác, tuyên truyền đường lối của Đảng thông qua những câu chuyện nghĩa hiệp, những tấm gương yêu nước, yêu dân tộc của các vị cách mạng tiền bối, tập hợp nhân dân trong các tổ chức hợp pháp: Hội tương tế, Hội ái hữu, hội đồng hương... trên cơ sở đó các đồng chí lựa chọn những hội viên ưu tú để kết nạp vào Đảng như vợ chồng đồng chí Sáu Mười Mẩu ở sở cao su Láng Lớn, đồng chí Nghệ ở sở Cam Tiêm, đồng chí Xê ở sở Hàng Gòn... cho đến năm 1936, các đồng chí đã xây dựng được 3 chi bộ trong các sở cao su.

Tháng 6-1930, Mặt trận nhân dân Pháp giành thắng lợi lớn trong cuộc tổng tuyển cử ở Pháp. Đảng ta chủ trương hoạt động công khai, thành lập mặt trận dân chủ. Phong trào Đông Dương Đại hội, do Đảng lãnh đạo dấy lên sôi nổi trong toàn quốc. Các uỷ ban hành động được tổ chức ở nhiều địa phương. Đồng chí Phạm Văn Thuận, đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa và nhiều đồng chí khác đã về Xuân Lộc vận động cách mạng, khơi dậy tinh thần yêu nước trong công nhân, nông dân và trí thức. Các tài liệu của Đảng như: “Lời hiệu triệu của các uỷ ban hành động”, báo “Lao động” được phổ biến khá rộng rãi trong các sở cao su và thị trấn Xuân Lộc, qua đó đã giác ngộ và tập hợp rất nhiều trí thức kể cả một số cai, xu, binh lính tiến bộ trong các sở cao su tham gia các phong trào cách mạng.

Các đồng chí đã đi vào các làng công nhân, các buôn sóc đồng bào dân tộc, tuyên truyền giác ngộ cách mạng cho công nhân, đồng bào các dân tộc nhất là thanh niên để đưa vào các tổ chức cách mạng, các đồng chí đã tổ chức ra các hội đá bóng, các hội văn nghệ trong các buổi trao đổi tâm tình, các đồng chí đã tuyên truyền một cách dễ hiểu, tế nhị, sâu sắc qua đó hàng trăm công nhân, nông dân, trong đó có đồng bào các dân tộc, nhất là thanh niên tham gia hoạt động cách mạng.

Tháng 02-1937, hội nghị thành lập chi bộ Đảng ở Xuân Lộc được tổ chức tại Bàu Tràm (thị trấn Xuân Lộc). Tham gia hội nghị, có đồng chí Sáu Mười Mẩu, Nguyễn Văn Lắm, Lê Văn Vận, Nguyễn Văn Huệ, Nguyễn Thành Danh, các đồng chí Viên,

Huỳnh Công Mật, Đoàn, Hậu (dân tộc Châu Ro). Hội nghị cử đồng chí Nguyễn Văn Huệ bí thư và Nguyễn Văn Lâm phó bí thư chi bộ.

Sau cuộc hội nghị này, các tổ chức cách mạng ở Xuân Lộc phát triển, hình thành được các tổ, hội ở thị trấn và các sở cao su. Qua đó đã tập hợp hàng trăm quần chúng tham gia. Phong trào cách mạng từ năm 1937 trở đi đẩy lên mạnh mẽ ở Xuân Lộc. Các chủ trương đường lối của Đảng thâm nhập ngày một sâu rộng trong công nhân, nông dân¹ nhất là số trí thức tiến bộ. Ở các sở cao su An Lộc, Cẩm Mỹ, Túc Trưng, Hàng Gòn, Ông Quế, Bình Lộc... và các hăng trại khai thác gỗ, phong trào đấu tranh của công nhân và nông dân lao động đòi dân sinh, dân chủ chống cúp phạt, đánh đập, đòi được phát gạo trắng, mùng, mền phát triển mạnh. Bọn chủ sở trong một chừng mực nhất định đã công tác lại và nhượng bộ, chúng giải quyết một số yêu sách của công nhân.

Ngày 15-11-1936, công nhân khai thác gỗ ở Xuân Lộc đã tích cực tham gia cuộc bãi công của hơn 400 công nhân công ty kỹ nghệ và lâm nghiệp Biên Hoà, phản đối bọn chủ bắt công nhân làm việc quá sức để bù những giờ bị giảm theo nghị định ngày 11-10-1936 công nhân yêu cầu tăng lương 30 xu 1 ngày. Cuộc đấu tranh thắng lợi 1 phần, bọn chủ phải giải quyết tăng lương 10 xu 1 ngày.

Giữa năm 1936, uất ức với hành động bạo ngược của bọn thực dân Pháp là đuổi dân để chiếm đất trồng cao su, bà con đồng bào dân tộc Châu Ro ở Suối Tre đã nổi dậy dùng dao rựa chém chết tên chủ Tây ác ôn, rồi xách đầu lên bêu trên một ngọn núi gần đó, để cảnh cáo bọn giặc. Từ đó ngọn núi này được bà con gọi là núi Đầu Tây.

Ngày 1-1-1939, hàng trăm công nhân ở các đồn điền thuộc công ty SIPH (Dầu Giây, Bình Lộc, An Lộc, Ông Quế...) bãi công đòi tăng lương, đòi cải thiện đời sống như đi làm phải có nước uống, chỗ ngủ phải có ván để nằm, thả những người bị bắt. Cuộc đấu tranh được nông dân các vùng xung quanh ủng hộ. Bọn chủ sở buộc phải chấp nhận một số yêu sách của công nhân.

Qua phong trào đấu tranh cách mạng, đội quân chính trị ở Xuân Lộc phát triển. Hàng trăm công nhân, nông dân, trí thức giác ngộ và trở thành chiến sĩ kiên trung trong đấu tranh cách mạng oanh liệt sau này. Đồng chí Trương Văn Lịch, Trần Văn

¹ Nông dân gồm cả người Kinh (Việt) và đồng bào dân tộc

Kiêu, Phan Đình, Nguyễn Thành Danh... và biết bao đồng chí khác đã gắn bó với phong trào cách mạng của Xuân Lộc từ đây. Những hạt giống đó ngày một sinh sôi nảy nở và lớn dần lên trên quê hương Xuân Lộc.

Tháng 11-1940, khởi nghĩa Nam Kỳ bị địch đìm trong bể máu. Ở Biên Hoà, trong khi cuộc khởi nghĩa chưa nổ ra thì thực dân Pháp đã tiến hành khủng bố. Nhiều cán bộ, đảng viên bị giặc bắt đưa đi giam giữ ở Bà Rá, Tà Lài. Một số cán bộ phải lánh đi nơi khác, đi vào các đồn điền cao su để tiếp tục hoạt động cách mạng.

Sau khởi nghĩa Nam Kỳ (1940) phong trào cách mạng nhiều nơi ở Nma Bộ lắng xuống. Trong lúc đó ở Xuân Lộc, phong trào vẫn tiếp tục phát triển trong các sở cao su. Cuối năm 1940 đồng chí Hồ Văn Đại (Sáu Đại) về hoạt động ở Suối Tre (An Lộc), đồng chí Nguyễn Văn Long về Bình Lộc, Dầu Giây. Các đồng chí ở thị trấn cũng bung vào hoạt động ở các đồn điền Cẩm Mỹ, Hàng Gòn, Túc Trưng, Cây Gáo... Dưới sự lãnh đạo của các đồng chí đảng viên Cộng sản, tháng 12-1940, hàng ngàn công nhân ở các đồn điền cao su Dầu Giây, An Lộc, Ông Quế, Bình Lộc, Túc Trưng, Cây Gáo... đồng loạt đấu tranh đòi bọn chủ không được đánh đập, cúp phạt công nhân vô tội vạ, phải thực hiện đúng giao kèo, trả công nhân mãn hạn về xứ, không được phát gạo mục, cá thối, bớt xén tiêu chuẩn của công nhân.

Ngày 29-12-1940, hơn 2000 công nhân ở các sở Cẩm Mỹ, Cam Tiêm, tiếp tục đình công biểu tình, đấu tranh đòi ngày làm việc 8 giờ, được nghỉ ngày chủ nhật, huỷ bỏ chế độ làm “cỏ vộ” chiều thứ bảy hàng tuần. Thực dân Pháp điều một trung đội lính do tên thanh tra công ty Đất Đỏ, mà bà con ta thường gọi là tên “tây đầu đỏ”, chỉ huy xuống đàn áp. Chúng xả súng bắn vào đoàn người công nhân trong tay không có một tác sắt làm chết và bị thương hơn 100 người. Công nhân vẫn không lùi bước tiếp tục kéo về An Lộc, đòi bọn chủ công ty giải quyết yêu sách. Trước khí thế đấu tranh của công nhân ngày một lên cao, bọn thực dân tư bản phải nhân nhượng, giải quyết một số yêu sách của công nhân như: huỷ bỏ chế độ làm “cỏ vộ” chiều thứ bảy hàng tuần, làm tăng giờ phải trả thêm lương.

Đầu năm 1940, trên 500 công nhân ở sở Cuộc-tơ-nay kéo xuống tỉnh Bà Rịa đưa đơn cho tên tỉnh trưởng người Pháp phản đối việc đánh đập công nhân khi chúng bắt trồng mới lại mấy lô cao su ở Nha Trào, Láng Lớn. Khi đến Xà Bang, đoàn công nhân bị bọn binh lính chặn lại đàn áp. Chúng đánh 5 công nhân bị thương nặng.

Trước mũi súng của giặc công nhân vẫn lao lên, hai tay đưa thẳng lên trời thét lớn: “Đây các bạn cứ giết chúng tôi đi, giết những người chỉ đòi hỏi sự công bằng, yêu cầu chấm dứt đánh đập tàn nhẫn”.

Được công nhân các sở Xà Bang, Bình Ba và bà con nông dân quanh vùng ủng hộ, đoàn người mỗi lúc một đông, tiếp tục khiêng những người bị thương tiến về Bà Rịa.

Cũng trong năm 1941 nhân việc tên Xu Lu ở sở Cuộc-tơ-nay đánh chết 1 công nhân số 70, các đồng chí cán bộ cách mạng nhâ vụ này đã vạch trần tội ác của giặc qua bài phát truyền thông, nội dung kêu gọi công nhân đấu tranh chống bọn chủ tây và cai, xu tàn nhẫn.

Phong trào đấu tranh phát triển đều khắp, lan từ sở này sang sở khác. Trong những tháng cuối năm 1940 đầu năm 1941 hơn 15 cuộc đấu tranh của công nhân nổ ra ở các đồn điền thuộc công ty SIPH. Bọn chủ thực dân ngày càng điên cuồng, bắt bớ, chém giết công nhân hàng loạt. Để ngăn chặn bàn tay đẫm máu của chúng đồng thời không chế các tên ác ôn khác, liên tiếp trong 2 tháng 3 và 4-1941, công nhân đã bí mật tổ chức giết hai tên chủ Tây khét tiếng gian ác. Tên em vợ Đờ-ba-dê ở sở Hàng Gòn và tên Đờ-la-sên ở sở 97. Những sự kiện này đã có tác động mạnh đến các bọn xu xệp ác ôn trong các sở cao su, hạn chế phần nào sự lộng hành bạo ngược của bọn chúng đối với công nhân.

Đầu năm 1942, bọn chủ sở cao su An Lộc, Bình Lộc, bắt công nhân phá cao su già để trồng mới lại cao su khác. Chúng khoán quá nặng, người nào làm không đạt chỉ tiêu chúng cúp tiền lương và đánh đập tàn nhẫn. Trước hành động bạo ngược của bọn chủ, công nhân 2 sở An Lộc và Bình Lộc có công nhân ở Dầu Giây ủng hộ, đã đồng loạt đình công hai ngày liền. Bọn chúng phải nhượng bộ hạ thấp mức khoán, không bắt người vô cố... Nhưng sau đó chính quyền thực dân ở Xuân Lộc cho vây bắt 7 anh em công nhân mà chúng cho là cầm đầu tổ chức. Công nhân tiếp tục đấu tranh buộc chúng phải trả tự do cho tất cả những người bị bắt.

Ngày 20-12-1943, hơn 600 công nhân sở Bình Lộc dưới sự lãnh đạo của các đồng chí Diệu, Kiến, Vong, Thông mở màn cuộc đấu tranh kéo đến trụ sở tên chủ nhất đồn điền đưa yêu sách. Cuộc đấu tranh nhanh chóng biến thành cuộc biểu tình tuần hành. Quần chúng hô vang khẩu hiệu: “Không được đánh đập công nhân”, “Tổng cổ tên

xếp Kỳ, xếp Nhỏ gian ác”. Bọn chủ Tây ngoan cố không chịu giải quyết. Chính quyền thực dân huy động 1 đại đội lính khố đỏ từ Biên Hoà lên đàn áp, bắn chết nhiều người và bắt đi hơn 40 người khác. Chị Lê Thị Lương một công nhân trẻ đã vận động hàng chục chị em phụ nữ nằm chắn ở đầu xe, không cho chúng bắt đi những người thân của mình. Giặc Pháp cho xe cán chết nhiều chị em phụ nữ. Công nhân vẫn kiên trì đấu tranh suốt ngày đêm, đòi bồi thường nhân mạng, phản đối sự đàn áp dã man của giặc. Không khuất phục được ý chí đấu tranh kiên cường của công nhân, bọn chủ đồn điền buộc phải giải quyết một số yêu sách: trả công nhân mãn hạn về xứ, đổi một số tên xu, xếp ác ôn đi nơi khác.

Song song với những cuộc đấu tranh trực diện với bọn chủ và chính quyền thực dân, các đồng chí cán bộ còn tổ chức viết thư khống chế bọn xu, xếp ác ôn và tổ chức công nhân phá hoại kinh tế của bọn chủ.

Đầu năm 1944m bọn Nhật giao cho hãng cưa Biên Hoà (BIF) phải khai thác 150.000 tấn gỗ tốt đưa về Sài Gòn để đóng tàu. Bọn chủ hãng này bắt công nhân làm be gỗ ở Xuân Lộc và Trảng Bom phải khai thác đủ số lượng để phục vụ cho phát xít Nhật. Biết được ý đồ của giặc, cán bộ cách mạng đã vận động công nhân làm công và công nhân xe goòng ở Trảng Bom phá đường rầy, làm xe lửa bị đổ phải sửa chữa mất một thời gian dài. Ở Xuân Lộc bà con lao động người Kinh và bà con đồng bào dân tộc không chịu khai thác gỗ cho bọn chủ be, bỏ đi làm các nơi khác. Kế hoạch khai thác gỗ của bọn Nhật bị phá sản.

Cuối năm 1944, ở sở Dầu Giây, đã nổ ra một cuộc đấu tranh của 200 công nhân cạo mũ, đòi bọn chủ phải trả hợ về xứ vì đã mãn hạn giao kèo. Anh chị em công nhân đã kéo về An Lộc và quận lỵ Xuân Lộc đòi bọn chủ công ty và chính quyền thực dân phải can thiệp. Trước khí thế đấu tranh của công nhân, bọn chủ sở buộc phải giải quyết yêu sách, trả công nhân về xứ.

Những cuộc đấu tranh của công nhân trong các đồn điền cao su ở Xuân Lộc trong suốt những năm 1940-1945 diễn ra ngày càng mạnh mẽ. Trong thời gian này, khẩu hiệu đấu tranh kinh tế gắn liền với khẩu hiệu đấu tranh chính trị. Các cuộc đấu tranh đều được tổ chức chu đáo và có sự phối hợp giữa các đồn điền, giữa công nhân và nông dân. Tổ chức đoàn thể bí mật trong các đồn điền ngày càng phát triển. Uy tín của các đồng chí cán bộ cách mạng ngày một nâng lên. Qua đấu tranh, đội ngũ quần

chúng công nhân giác ngộ cách mạng ngày một thêm đông đảo. Liên minh công nông bước đầu được hình thành. Lực lượng cách mạng lớn mạnh dần lên, tạo cơ sở vững chắc cho cuộc vận động cách mạng khởi nghĩa giành chính quyền trong cách mạng tháng 8-1945.

III – CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945 TẠI XUÂN LỘC

Tháng 3-1945, sau khi hất cẳng thực dân Pháp ở Việt Nam phát xít Nhật quay sang đàn áp phong trào cách mạng, phong trào công nhân.

Tịa Xuân Lộc, Nhật đưa hàng nghìn quân về đóng ở Suối Tre (An Lộc) và thị trấn Xuân Lộc, tổ chức nhiều đồn bót, xây dựng tuyến án ngữ vững chắc của chúng. Trong các sở cao su, bọn Nhật đuổi và bắt nhốt hết bọn chủ Tây, ra lệnh ngưng sản xuất cao su, bắt công nhân đi xâu, đào công sự, vận chuyển lương thực, vũ khí cho chúng. Hàng ngày, trên các tuyến đường Dầu Giây – Định Quán, Dầu Giây – Xuân Lộc, Xuân Lộc – Bà Rịa, hàng ngàn dân phu (công nhân và nông dân) áo quần rách rưới, chân tay phù thũng, mặt mày vàng vọt, phải lao động vất vả đào hào, dưới làn roi nghiệt ngã của bọn phát xít. Nhiều bà con đã gục chết bên miệng hố công sự chưa đào xong.

Bọn ác ôn, tề nguy tay sai Pháp, quay sang ôm chân bọn Nhật. Tên Lê Thành Tường, một tên tay sai thực dân Pháp gian ác trước đây, được bọn Nhật cử làm quận trưởng Xuân Lộc. Bọn chúng ra sức tuyên truyền lừa bịp nhân dân với các chủ thuyết “Đồng văn, đồng chủng”, “Đại Đông Á”. Nhân dân đã tổ chức biểu tình tẩy chay tên quan lại bù nhìn Nguyễn Văn Sâm ở Huế vào, khi hấn trên tráo vác mặt đến Xuân Lộc để tuyên truyền cho chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim và các tổ chức đảng phái phản động của chúng.

Cấu kết với nhau, bọn lính Nhật và bọn nguy binh tay sai tổ chức nhiều cuộc hành quân vào các sở cao su, các vùng Bảo Chánh, Gia Ray, Định Quán, Võ Đông... bắt bớ, mổ bụng, moi gan bất cứ ai chúng tình nghi là cán bộ cách mạng hoặc có quan hệ với cách mạng, thâm độc nhất là việc ngừng sản xuất cao su, bọn Nhật quản lý các kho gạo đã làm cho hàng ngàn công nhân lâm vào cảnh thất nghiệp, tình trạng thiếu đói diễn ra một số nơi ở Xuân Lộc. Ý chí và tinh thần cách mạng của đồng bào Xuân Lộc được nung nấu. Khí thế cách mạng sôi sục.

*

Sau ngày 9-3-1945, trong các sở cao su, bọn chủ Tây một số bị bọn Nhật bắt nhốt, một số trốn chạy về Sài Gòn. Bọn xu xếp ác ôn cũng bỏ trốn. Bộ máy cai trị của bọn Nhật, trong một thời gian ngắn chưa tổ chức đến các cơ sở. Nhân cơ hội này các đồng chí cán bộ cách mạng đã tổ chức công nhân đứng lên tự quản các đồn điền. Ở Biên Hoà, các đồng chí Hoàng Minh Châu, Huỳnh Văn Hón, Nguyễn Văn Nghĩa cũng đã tổ chức móc nối với các đồng chí đảng viên và cơ sở ở Xuân Lộc, các đồng chí truyền đạt các chủ trương của Đảng về tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Ở các sở Cam Tiêm, An Lộc, Bình Lộc... Các đồng chí cán bộ cách mạng đã công khai tập hợp hàng trăm công nhân để tuyên truyền vận động cách mạng. Chọn những thanh niên nòng cốt thành lập các đội tự vệ trong công nhân. Nhanh chóng xây dựng các đoàn thể quần chúng cách mạng. Phong trào công nhân đồn điền ngày càng phát triển và liên hệ mật thiết với phong trào cách mạng ở thị trấn và các xã nông thôn, hình thành thể liên kết, hỗ trợ nhau áp đảo ngày càng mạnh hệ thống chính quyền tay sai của Nhật ở địa phương.

Tại Xuân Lộc, dưới sự lãnh đạo của các đồng chí đảng viên cơ sở, chỉ trong vòng 2 tháng, tổ chức Thanh niên Tiền Phong được xây dựng ở hầu hết các xã, thị trấn và các cơ sở cao su trong huyện, thu hút hàng nghìn công nhân, nông dân, tri thức tham gia. Các đồng chí Nguyễn Văn Lắm, Trần Văn Kiểu, Nguyễn Văn Tạo, Lê Văn Vân, Nguyễn Thành Danh, Lê Ưu, Xiển, Liễu, Xê... là những chiến sĩ cách mạng hoạt động ở Xuân Lộc từ trước nay đều là những cán bộ chủ chốt lãnh đạo Thanh niên Tiền phong các nơi trong huyện. Đội quân chính trị của Đảng lớn lên một cách nhanh chóng. Thời cơ cách mạng đã đến chỗ chín muồi. Cả Xuân Lộc náo nức, sẵn sàng trong tư thế vùng lên khởi nghĩa.

Ngày 15-8-1945, Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng đồng minh vô điều kiện. Được tin này, binh lính Nhật ở Xuân Lộc vô cùng hoang mang lo sợ. Số rút chạy về Sài Gòn, Biên Hoà. Số công tác cụm lại trong các đồn bót. Lợi dụng tình hình này, anh em công nhân sở An Lộc tập kích vào nhà tên chủ Tây Xi Ra, giết chết 4 tên vừa Nhật vừa Pháp thu 2 súng mót và 1 số đồ dùng quân sự. Khắp nơi trong toàn huyện, từ những vùng hẻo lánh xa xôi như Định Quán, Võ Đông, Võ Đắc đến thị trấn Xuân Lộc đều rộn ràng, sôi nổi rèn giáo mác, luyện tập quân sự, luyện tập đội ngũ. Hàng

ngày, trên khắp các nẻo đường tiếng hát: “Này thanh niên ơi đứng lên đáp lời sông núi” lời ca “Nào anh em ta cùng nhau xông pha lên đàng...” vang lên. Nhiều gia đình hồ hởi đi may cờ, dán cờ Việt Minh. Người ta hỏi nahu về mẫu cờ, mẫu vải. Ở các sở cao sun gay từ khi Nhật đầu hàng Đồng Minh, quân chúng công nhân dưới sự lãnh đạo của các đồng chí cán bộ cách mạng đã đứng dậy làm chủ đồn điền. Lực lượng thanh niên Tiên phong là lực lượng nòng cốt, làm nhiệm vụ bảo vệ trật tự trị an ở các sở. Số cai, ký tiền bộ đều theo cách mạng, theo Việt minh. Ở các sở Cẩm Mỹ, An Lộc, Hàng Gòn, các đồng chí Nguyễn Văn Lắm, Lê Ưu, Xê... đã lãnh đạo công nhân nổi dậy đuổi bọn chủ tây, quản lý sở. Ủy ban Nhân dân (Ủy ban tự quản) của các đồn điền được thành lập để điều hành mọi hoạt động ở đồn điền và chăm lo đời sống củ công nhân. Đồng thời với phong trào đấu tranh của công nhân, các tầng lớp khác ở Xuân Lộc như: Công chức, tri thức tiểu thương cũng theo cách mạng. Ai ai cũng hướng về ngày khởi nghĩa giành chính quyền.

Ngày 25-8-1945, hàng ngàn công nhân cao su và nhân dân lao động ở Xuân Lộc rầm rộ kéo về tham gia cướp chính quyền ở Sài Gòn.

Ngày 26-8-1945, khởi nghĩa đã giành thắng lợi ở Biên Hoà. Thắng lợi của cuộc tổng khởi nghĩa ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn và trực tiếp là ở Biên Hoà đã làm nức lòng nhân dân Xuân Lộc.

Tối 27-8-1945, trong không khí sục sôi cách mạng các đồng chí đảng viên Cộng sản, các đồng chí lãnh đạo Thanh niên Tiên Phong đã tổ chức một cuộc hội nghị mở rộng tại thị trấn Xuân Lộc để thống nhất kế hoạch, khởi nghĩa cướp chính quyền trong huyện.

Sáng 28-8-1945, lực lượng thanh niên Tiên phong thị trấn Xuân Lộc, do đồng chí Võ Văn Ước dẫn đầu, kéo vào tước vũ khí bọn nguy binh ở đồn Xuân Lộc thu toàn bộ vũ khí và giải thể đơn vị này. Một bộ phận khác do đồng chí Lê Văn Vận dẫn đầu, kéo vào dinh quận buộc tên quận trưởng Lê Thành Tường giao nộp toàn bộ hồ sơ, ấn mộc cho cách mạng. Trước khí thế áp đảo của lực lượng cách mạng, bọn thống trị ở địa phương hoang mang đến cực điểm và tan rã hoàn toàn làm chủ tất cả các cơ quan, công sở ở trung tâm quận lỵ Xuân Lộc.

Đúng 2 giờ chiều ngày 28-8-1945, từ nhiều hướng đội ngũ công nhân cao su, nông dân, đồng bào các dân tộc với giáo mác, tầm vông vạt nhọn, dao cạo mũ, cuốc,

thuông, gậy gộc, cung ná, tên, xà gạt rầm rập kéo về thị trấn. Một cuộc mít tinh biểu dương lực lượng to lớn chưa từng có của gần 1 vạn quần chúng được tổ chức tại trung tâm quận lỵ Xuân Lộc. Lần đầu tiên trong lịch sử, cờ đỏ sao vàng của Tổ quốc được giương cao giữa niềm hân hoan phấn khởi của mọi người. Đại diện ban lãnh đạo khởi nghĩa huyện Xuân Lộc trình trọng tuyên bố xoá bỏ toàn bộ hệ thống chính quyền cũ, thành lập chính quyền cách mạng, công bố danh sách uỷ ban nhân dân lâm thời quận do ông Huỳnh Văn Huân làm chủ tịch. Cuộc mít tinh kết thúc biến thành cuộc biểu tình tuần hành qua các đường phố rồi toả về các đồn điền và các xã nông thôn. Nhân dân hô vang các khẩu hiệu “Chính quyền về tay nhân dân”, “Mặt trận Việt Minh muôn năm”, “Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm”.

Dựa theo chương trình của Mặt trận Việt Minh, chính quyền cách mạng đã tuyên bố thực hiện quyền bình đẳng các dân tộc, bình đẳng nam nữ, bãi bỏ chính sách bóc lột của chế độ cũ, tịch thu thóc gạo, muối, vải vóc của Pháp – Nhật phân phát cho dân. Tài sản trong các đồn điền, công sở là của chung, của cách mạng. Tổ chức lực lượng vũ trang để giữ gìn an ninh trật tự, bảo vệ chính quyền cách mạng, bảo vệ nhân dân.

Từ đây Xuân Lộc đã thay đổi hẳn bộ mặt. Cuộc sống của bà con công nhân cao su trong các đồn điền, nông dân trong các làng xã và các tầng lớp lao động khác chan hoà tình thân ái. Những nghi kỵ, hiểu lầm chia rẽ do âm mưu của giặc trước đây nay được giải bày, trang trải. Tệ nạn cờ bạc, hút xách mất đi nhanh chóng.

Mặc dù chính quyền cách mạng còn non trẻ, song đã giải quyết được một số mặt yêu cầu cấp thiết của nhân dân. Tất cả những kho gạo, thực phẩm của bọn chủ Tây, bọn Nhật đều được quản lý và trích một phần để cứu trợ những gia đình thiếu đói. Những mảnh đất hoang hoá trước đây nhanh chóng biến thành những vườn rau, luống khoai, rẫy mì xanh tốt. Cuộc sống của nhân dân dần dần được ổn định.

Được sự tăng cường hỗ trợ của đoàn cán bộ tỉnh, do đồng chí Lê Ngọc Liệu làm trưởng đoàn, chỉ sau một thời gian ngắn chính quyền cách mạng ở tất cả các xã và các sở cao su được thành lập. Lực lượng vũ trang tập trung của huyện, gồm một trung đội, lực lượng quốc gia vệ quốc, các đội tự vệ ở các xã cũng nhanh chóng được hình thành. Đồng bào Xuân Lộc muôn người như một, đều hăng hái tham gia cách mạng.

Bà con mang những rau, trái bầu, trái bí đổi lấy từng khẩu súng, từng viên đạn của đám tàn binh Nhật để trang bị cho các đơn vị tự vệ địa phương.

Hưởng ứng tuần lễ vàng do Tổng bộ Việt Minh phát động, mặc dù đời sống còn khó khăn nhưng nhân dân đã mang nhiều vật kỷ niệm của mình như nhẫn cưới, vòng vàng... để ủng hộ công quỹ, đồng thời với tinh thần lá lành đùm lá rách, bà con đã san sẻ bữa ăn ít ỏi của mình để ủng hộ hàng chục tấn gạo cho đồng bào miền bắc đang lâm vào nạn đói.

Ngày 06-01-1946, lần đầu tiên trong đời mình các cử tri ở Xuân Lộc tham gia cuộc Tổng tuyển cử lịch sử bầu cử Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Đồng chí Xiển (dân tộc Châu Ro) người con ưu tú của Xuân Lộc, được bầu vào Quốc hội.

PHẦN HAI

CUỘC KHÁNG CHIẾN CHÍN NĂM CHỐNG THỰC DÂN PHÁP

I – NHỮNG NGÀY ĐẦU KHÓ KHĂN

Một giờ sáng ngày 23-09-1945, tại Sài Gòn, quân Pháp bất ngờ đánh úp Ủy ban Nhân dân Nam Bộ, cơ quan quốc gia tự vệ Cuộc, gây lại chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Cũng từ 1 giờ ngày 23-09-1945, Hội nghị liên tịch của Xứ uỷ và Ủy ban nhân dân cách mạng Nam Bộ quyết định phát động nhân dân tiến công lại quân thù.

Tại Xuân Lộc, từ thị trấn, các sở cao su đến các buôn sóc, thanh niên công nhân, nông dân nai nịt gọng kiếm, tầm vông, súng săn, kéo từng đoàn lên xe lửa, xe hơi của sở, đi đánh quân xâm lược. Người châu Ro, Xê Tiêng cung ná, xà gạc lên đường. Toàn dân ra trận.

Trước tiếng kêu sơn hà nguy biến, Vệ quốc đoàn cấp tốc tiến vào Nam cùng với quân dân cả nước bảo vệ sơn hà.

Nhân dân Xuân Lộc hăng hái tiếp tế cho bộ đội Nam tiến, từ huyện đến xã các ban tiếp tế được lập ra. Công nhân Xuân Lộc vét các kho gạo ở các sở, bắt bò sở Suối Tre, Hàng Gòn để nuôi bộ đội. Xe bò, xe trâu được huy động chuyên chở lương thực thực phẩm tiếp tế cho các đoàn quân. Ủy ban tiếp tế Nam Bộ được đặt tại Xuân Lộc.

Ngày 25-10-1945, có quân Anh và Đồng Minh mở đường, quân Pháp phá vòng vây Sài Gòn, chiếm Biên Hoà đánh ra Trảng Bom, Dầu Giây chiếm ngã ba đường 1, đường 20.

Ngày 30-10-1945, quân Anh hành quân cơ giới, dẫn quân Pháp ra Xuân Lộc. Ta chặn đánh địch ở núi Thị, thị trấn Xuân Lộc, Bình Lộc. Ở núi Thị, địch không tiến được phải dùng quân Nhật hộ tống tìm đường vòng mà tiến. Ở thị trấn và Bình Lộc, ta bị tiêu hao, mất vũ khí và tài liệu, nhưng địch phải rút.

Lúc này, Đảng bộ Xuân Lộc chỉ mới có sáu bảy đảng viên, các đồng chí Nghệ, Xê, Lê Hữu Quang, Lê Ngọc Liệu, Nguyễn Thành Danh, Lê Văn Vận, Huỳnh Công Mật (người Châu Ro).

Mặt trận Việt Minh có các đồng chí Đỗ Mục, Hồ Tấn Trai (Phạm Văn Sỹ), Cô Dung, Cô Ngọc. Tháng 11-1945, Mặt trận tinh cử đồng chí Ngô Tiên, đồng chí Tư, tăng cường cho Xuân Lộc. Tổ chức Mặt trận Việt Minh phát triển mạnh mẽ ở huyện, xã, nhất là đoàn Thanh niên Cứu quốc, hội Phụ nữ Cứu quốc, công đoàn xây dựng mạnh ở các đồn điền. Mặt trận cũng phát triển ở vùng đồng bào các dân tộc.

Cũng trong thời kỳ này, đồng chí Lê Văn Vận đang phụ trách lực lượng vũ trang được điều động tăng cường cho Mặt trận vận động các dân tộc ít người của tỉnh. Lực lượng vũ trang giao cho Chế Đình Đạo.

Ngày 26-01-1946, trên một ngàn quân Pháp có thiết giáp, cơ giới, đánh chiếm thị trấn Xuân Lộc và các đồn điền cao su quan trọng.

Một trận chiến đấu quyết liệt, diễn ra trên các tuyến An Lộc, Suối Tre, Xuân Lộc, Bàu Tràm, Bàu Sao, ngã ba Tân Phong, Hàng Gòn, bộ đội Nam tiến, bộ đội Bình Thuận, các lực lượng miền Đông, từ Sài Gòn rút về lập phòng tuyến quyết chặn quân xâm lược.

Quân địch có xe bọc thép và hoả lực mạnh, chọc thủng phòng tuyến. Ta lùi từ tuyến An Lộc, Suối Tre đến tuyến Tân Phong Hàng Gòn, chiến đấu quyết liệt trong ba ngày. Sau đó bộ đội Nam tiến cùng một phần bộ đội miền Đông Nam Bộ rút ra Bình Thuận.

Tại thị trấn Xuân Lộc và Bình Lộc, khi quân Pháp tới, Huỳnh Gia, Huỳnh Chức, uỷ viên uỷ ban nhân dân huyện và cả Huỳnh Thắt, uỷ viên quân sự trốn chạy về Biên Hoà. Lực lượng vũ trang huyện cùng các uỷ viên uỷ ban nhân dân còn lại rút về Thọ

Vực, sông Là Ngà. Ngày 8-12-1946, quân Pháp theo lên tấn công vào căn cứ huyện. Lực lượng vũ trang huyện bị tổn thất nhẹ. Gần 30 anh em với hai mươi cây súng rút ra Bình Thuận nhập vào bộ đội Bình Thuận. Cán bộ uỷ ban nhân dân và Mặt trận Việt Minh huyện tản lạc ra Bình Thuận. Đến tháng 3-1946, chỉ còn các đồng chí Lê Văn Huân, Lê Ngọc Liệu, Ngô Tiến, Tôn Quang Hào, Nguyễn Văn Tạo về trụ tại Rừng Lá.

Tại các sở cao su, quân Pháp đem các chủ sở cũ trở lại. Công nhân các đồn điền cao su đều chống giặc. Chưa kể thanh niên đã gia nhập quân đội theo bộ đội đi chiến đấu, số thanh niên công nhân còn lại kéo vào rừng bộ đội, tổ chức lực lượng, tổ chức du kích đánh địch, chủ sở và lính về các đồn điền. Chúng bố ráp ngay. Chúng khủng bố, bắn chết một lúc gần trăm công nhân ở An Lộc đem chôn chung vào hai hầm ở làng B. Chúng bắt được một số thanh niên công nhân lánh ra xung quanh vùng Suối Tre, chúng bao ấp Bàu Sao, bắt đồng chí Lê Hữu Quang. Chủ sở An Lộc, tập trung dân cao su ở tại bóng đá, xử bắn đồng chí Lê Hữu Quang cùng 6 thanh niên để uy hiếp công nhân. Không hề run sợ trước họng súng quân thù, Lê Hữu Quang cùng các thanh niên hô vang: “Đả đảo thực dân, Việt Nam độc lập” và ngã xuống trên mảnh đất đỏ đã thấm mồ hôi và máu của biết bao đồng chí đồng bào anh.

Ngày hôm sau chủ đồn điền Dầu Giây, tên Đờviê vây ráp bắt được anh thanh niên công nhân Phạm Văn Phú, một tín đồ thiên chúa giáo và là một nhạc sĩ. Buộc anh từ bỏ kháng chiến trở lại làm việc cho chúng không được, Đờviê tuyên bố xử tử anh. Anh trả lời linh mục đến rửa tội, trước mặt tên Đờviê “tôi thà chịu đóng đinh trên cây tánh giá, chứ không bao giờ đầu hàng quân xâm lược”.

Vào đầu năm 1946, quân Pháp dẫn tên cai tổng Thuận về làm phó quận trưởng Xuân Lộc, đặt tên Liên Khắc Trương làm chánh tổng Bình Lâm Thượng. Chúng càn quét, vây ráp khắp nơi, chúng khủng bố, bắn giết, nhằm đè bẹp tinh thần cách mạng của nhân dân.

Tại sở cao su Bình Lộc, khi vây ráp, quân Pháp bắt được ông Hồ Nguyên là giám đốc sở thí nghiệm nông lâm Trảng Bom. Tưởng ông sẵn sàng trở lại làm việc cho chúng, chúng đã từ dụ dỗ mua chuộc đến uy hiếp để ông hợp tác với chúng. Ông Hồ khẳng khái phản đối vạch mặt bọn cướp nước, nêu cao tinh thần bất khuất của người tri thức Việt Nam ở Xuân Lộc.

Sự chống lại, không hợp tác của đồng bào dân tộc ít người càng làm cho thực dân Pháp căm tức. Chúng phục kích bắt được đồng chí Xiển, đại biểu Quốc hội, người con của đồng bào Châu Ro. Quân Pháp ra sức mua chuộc dụ dỗ, nhưng đồng chí hiên ngang nói: “Tao không đầu Tây, tao thà chết tại đây”. Chúng cột đồng chí vào xe jeep, mở máy chạy khắp vùng... Thương tiếc đồng chí Xiển và căm thù giặc Pháp, đồng bào dân tộc Châu Ro cắt máu ăn thề, đổi họ Điều lấy họ Hồ, họ Nguyễn Ái, quyết theo chân Bác Hồ.

Từ cuối tháng 02-1946, Xuân Lộc bị địch chiếm lại. Các chủ Tây với binh lính về làm chủ lại các sở cao su. Chính quyền nhân dân huyện bị tê liệt, chính quyền các xã tan rã, quân đội không còn. Cơ sở có tổ chức của cách mạng bị đánh tan tác. Địch lập lại bộ máy cai trị từ huyện đến xã. Quốan địch móc nối những tên tay sai cũ, uy hiếp giao việc, lập lại các ban tề, tổ chức lính huyện lính làng để khủng bố nhân dân.

Tuy vậy, nhân dân vẫn bí mật tiếp tế và bảo vệ cán bộ và nhóm thanh niên công nhân vũ trang bám các vùng địa hình ở lại địa phương. Gia đình bà Nguyễn Thị Vỹ ở thị trấn, bà Năm Xã, ông cụ Giáo Dẹo ở Hàng Gòn, ông Hai Lục ở Ruộng Tre, bà Lộc ở Bảo Vinh, sư ông Huỳnh Tạ ở Chứa Chan, ông Phạm Lương Mưu ở Bảo Chánh... đã tích cực nuôi dưỡng và đùm bọc các chiến sĩ cách mạng, cung cấp cho cán bộ tin tức của địch ở trong vùng để biết mà tránh né và tìm cơ hội để hoạt động.

Cuộc kháng chiến ở Xuân Lộc cũng như toàn Nam Bộ đang gặp khó khăn, thì Hiệp định Sơ bộ giữa Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, đại diện nước Cộng hoà Pháp được ký kết ngày 06-03-1946. Tiếp đó Bác Hồ sang Pháp, và tạm ước 14-09-1946 được công bố. Chính phủ Pháp phải công nhận Việt Nam là một nước độc lập, thừa nhận Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Chế độ Nam Bộ sẽ quyết định bằng một cuộc trưng cầu dân ý.

Chủ trương đúng đắn sáng suốt ấy của Trung ương Đảng và Bác Hồ tạo điều kiện để Nam Bộ khôi phục nhanh chóng phong trào kháng chiến. Kẻ địch vi phạm Hiệp định. Chúng tổ chức tàn sát bắt bớ những người đại biểu cho ý chí thống nhất nước nhà. Nhưng nhân dân Nam Bộ phần khởi tin tưởng, nguy quân nguy quyền hoang mang lo lắng. Tình huống chính trị và quân sự ở Nam Bộ có cơ hội cải thiện.

Cán bộ Đảng, Mặt trận, cán bộ quân sự Xuân Lộc chủ động gây dựng lại cơ sở và lực lượng. Tỉnh uỷ cử các đồng chí Lê Thái, Tư Lai, Lê Văn Vân về Xuân Lộc tìm

gặp lại cán bộ gây dựng lại phong trào. Từ nắm lại các cơ sở trong đồng bào dân tộc, các đồng chí nhanh chóng xây dựng lại các cơ ở của Mặt trận. Trong các sở cao su, trong các xã ấp, bà con đồng bào xúc động gặp lại các cán bộ tưởng đã bị tàn sát tù đầy. Cán bộ gặp lại đồng bào thấy mình chưa thấu hết tấm lòng của nhân dân. Cơ sở mật của cách mạng xây dựng lại nhanh chóng trong nhiều xã, cả trong các ban tề trong lính làng. Tháng 10-1946, chỉ trong một đêm cơ sở cách mạng vận động nhân dân kết hợp với nhân mối² trong chính quyền địch đồng loạt nổi dậy, phá bỏ các ban tề, tước vũ khí lính làng, lập lại chính quyền ở ba xã: Tân Lập, Bình Hoà, Bình Lộc. Ở mỗi xã ta lấy 12 súng và lập ngay đội du kích. Từ phái Rừng Lá, các đồng chí Lê Ngọc Liệu, Ngô Tiên, Tôn Quang Hảo, Nguyễn Văn tạo xây dựng cơ sở ở Bảo Chánh, Thọ Vực, Võ đác. Cơ sở phát triển. Cuộc nổi dậy từ ba xã và vùng Bảo Chánh, Thọ Vực phát triển sang các xã trong huyện. Căn cứ huyện ở vùng núi Chứa Chan được xây dựng.

Nhiều toán thanh niên du kích cao su tập hợp nahu lại do đồng chí Nguyễn Văn Tùng, đồng chí Tư Xường chỉ huy. Thanh niên công nhân Lê sắc Nghi tham gia đội du kích, đã dẫn đồng chí Tư Xường đột nhập sở Suối Tre, đánh úp vào nhà chủ sở diệt tên xếp Vô-lăng, lấy 1 súng sáu. Được sự hướng dẫn của đồng chí Huỳnh Văn Nghệ, đội chuyển thành ban công tác liên thôn 9. Nhóm thanh niên vũ trang ở quanh vùng thị trấn chuyển thành ban công tác liên thôn 10, hoạt động trong thị trấn và vùng ven. Mỗi ban công tác liên thôn 9, 10 có trên 20 người, mười súng, có 1 tiểu liên.

Quốc vệ đội huyện thành lập do đồng chí Lê Văn Vân trực tiếp làm đội trưởng.

Lúc này có một nhóm vũ trang, từ Rừng Lá về căn cứ huyện ở núi Chứa Chan. Nhóm này vốn thuộc lực lượng Hoà Hảo chạy ra Rừng Lá khi quân Pháp phá vỡ vòng vây Sài Gòn. Nhóm có trên ba mươi người có nữ, có nam. Nam đầu cạo trọc để ba chòm tóc, nữ áo đen thêu như nữ tướng truyện cổ Trung Hoa. Trang bị trên 10 súng, nhiều kiếm, nhiều lựu đạn do cô Tư Bê, một nữ chức sắc đạo chỉ huy. Mấy tháng sau, tháng 02-1947, để thống nhất tổ chức và phát huy sức chiến đấu của anh chị em, các chiến sĩ được biên chế vào các đơn vị. Nhiều anh chị em chuyển sang công tác khác.

² Nhân mối: cơ sở của ta được xây dựng trong hàng ngũ của địch

Thời kỳ này, chi đội 10 phân công trung đội 6 và trung đội 4 hoạt động ở Xuân Lộc³. Các chiến sĩ vốn là công nhân các sở cao su Xuân Lộc bỏ đồn điền đi chiến đấu. Trung đội 6 do đồng chí Võ Văn Vũ, đồng chí Trần Văn Sinh chỉ huy. Trung đội 4 do đồng chí Đinh Quang Ân, đồng chí Phạm Lạc chỉ huy.

Đến cuối 1946, cơ sở cách mạng được xây dựng lại ở các sở cao su, các xã và thị trấn, lực lượng huyện phát triển, được lựa chọn, và đã có kinh nghiệm công tác và chiến đấu. Đội ngũ cán bộ nói chung phần lớn đã được sàng lọc trong những tháng khó khăn.

II – XUÂN LỘC KHÁNG CHIẾN.

Ngày 19 tháng 12-1946, kháng chiến toàn quốc bùng nổ.

Theo lời kêu gọi của Hồ Chủ Tịch, cả nước đứng lên chống thực dân Pháp xâm lược.

Thực hiện triệt để khẩu hiệu: “Tiêu thổ kháng chiến” của Mặt trận Việt Minh, hàng ngàn đồng bào thị trấn chuyên những gì cần chuyên và chuyên được ra vùng kháng chiến, và tự tay đốt nhà mình. Cả thị trấn sáng rực. Lửa thiêu nhà dân, lửa đốt các công sở, lửa bén đồn bót địch. Thiêu tất cả, phá tất cả cho địch không thể dùng được.

Tại các sở cao su, công nhân phá các cơ sở máy móc, đưa máy móc, hoá chất ra xây dựng công binh xưởng. Ta đốt cao su tấm, vạc vỏ cây cao su. Trong một đêm trên các sở hàng vạn cây bị vạc vỏ, có nơi nhân mùa hanh khô, lá cao su rụng xuống thành lớp, công nhân tổ chức gom lá đốt làm chết nóng, chết khô cây cao su. Công nhân Cam Tiêm phá sạch luôn làng sở, đi kháng chiến⁴.

Bọn thực dân chủ sở lòng sục khám xét, gặp ai nghi là chúng bắt luôn. Chúng bắn chết ngay ông Bùi Sinh ở làng H, ông Nguyễn Văn Luyện ở làng J. Mấy ngày sau bọn thực dân đưa lính nguy Cao Đài về gác đồn điền, lập tháp canh.

Mặt khác, ta phá giao thông địch. Đêm đến nhân dân, bộ đội kéo ra phá đường quốc lộ. Liên thôn 10 còn đưa cả 4 con voi bắt được của sở Hàng Gòn ra kéo phá từng mảnh đường sắt.

³ Theo biên chế Giải phóng quân, chi đội có 3 đại đội, đại đội có 3 trung đội. Trung đội Giải phóng quân tương đương với đại đội sau này

⁴ Sau này Xứ uỷ chỉ đạo không cho phá cây cao su nữa, mà giữ lại làm của cải cho ta sau này. Công tác phá cây cao su chuyển sang phá mủ: đổ mủ, đập chén đựng mủ, lấy chén đựng mủ.

Tháng 3-1947 hội nghị dân, quân, chính của huyện Xuân Lộc họp tại Bình Lộc. Ủy ban kháng chiến huyện được chỉ định, đồng chí Nguyễn Văn Tạo làm chủ tịch, đồng chí Trương Văn Lịch làm phó chủ tịch.

Tháng 3-1947, thực hiện hi thị của Trung ương Đảng về củng cố xây dựng và phát triển Đảng bộ xứ Nam Bộ, Tỉnh ủy Biên Hoà cử đồng chí Hoàng Đình Thương, Tỉnh ủy viên trở lại Xuân Lộc. Một ban vận động được lập ra gồm 3 đồng chí: Ngô Tiến, Lê Ngọc Liệu, Tôn Quang Hảo. Sau ba tháng tuyên truyền vận động tổ chức cơ sở Đảng xây dựng phát triển mạnh trong lực lượng vũ trang ở cơ quan huyện, ở các xã Bình Lộc, Bảo Chánh, Võ Đắc, Bình Hoà, Rừng Lá, Bảo Định. Mười chi bộ đảng được xây dựng không kể các chi bộ ở các trung đội và ban công tác liên thôn thuộc hệ thống chi đội 10. Nhiều công nhân cao su trong các lực lượng vũ trang được kết nạp vào Đảng, số lượng đảng viên trên 80 đồng chí.

Tháng 6-1947, Tỉnh ủy Biên Hoà quyết định thành lập Huyện ủy Xuân Lộc: bí thư đồng chí Ngô Tiến, phó bí thư đồng chí Hoàng Đình Thương, đồng chí Hoàng Minh Đức (nghịệp đoàn cao su). Huyện ủy viên: các đồng chí Lê Văn Kiểu, Lê Ngọc Liệu, Tôn Quang Hảo, Đặng Xuân Thuý, Nguyễn Văn Tạo, Lê Châu. Đến đây Đảng bộ Xuân Lộc thực sự được tổ chức có hệ thống từ huyện đến xã, sở và đơn vị để lãnh đạo cuộc kháng chiến tiến tới.

Lúc này, về xây dựng Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể huyện đặt trọng tâm vào tổ chức công nhân. Tổng công đoàn Nam Bộ cử hai đồng chí: Tư Trung, Nguyễn Tấn về tăng cường cho công tác công vận. Nghiệp đoàn cao su Xuân Lộc được xây dựng. Tiếp đó công đoàn cao su Biên Hoà cũng thành lập tại Xuân Lộc. Giặc Pháp đàn áp điên cuồng, công nhân đã đem xương máu mà xây dựng củng cố tổ chức của giai cấp. Ở Cẩm Mỹ, Ông Quế, Cây Gáo, Túc Trung, quân địch bắn chết nhiều người. Tại Dầu Giây, giặc bắt anh Trường, anh Mến đem đi bắn. Trên đường ra pháp trường 2 anh chạy thoát, anh Phát bị bắn chết.

Tháng 3-1947, ở Cây Da, quân địch bắt đồng chí Nguyễn Thành Danh, đồng chí Văn Công Thương. Chúng bỏ tù đồng chí Thượng. Chúng tra tấn đồng chí Nguyễn Thành Danh ba ngày, nhưng không lay chuyển được, chúng treo cổ đồng chí ở chợ Xuân Lộc nhằm đe dọa cả xã, cả huyện. Lòng căm thù ghê tởm giặc Pháp và tay sai càng nung nấu trong nhân dân.

Xuân Lộc là vùng đất đỏ màu mỡ nhưng đất cao, ruộng ít. Những nơi đã khai phá đều nằm trong đồn điền cao su thực dân. Từ đầu năm 1947, vấn đề lương thực nuôi quân gặp khó khăn. Nhân dân huy động xe trâu, xe bò đi Bàu Lâm chở gạo cho bộ đội nhưng không thể đủ vì giặc chặn đường, có lần chúng cướp cả một đoàn 20 xe bò. Trước tình hình đó, Đảng bộ Xuân Lộc phát động phong trào sản xuất tự túc sôi nổi trong nhân dân. Địch biết ta thiếu lương thực nên càng ra sức đánh phá mùa màng. Đến mùa lúa chín, tên Hoa Rô sĩ quan phòng nhì, chỉ huy vùng Xuân Lộc, chuẩn bị kho chứa, xe bò, xe trâu, xe hơi, mở các cuộc càn vào ruộng, rẫy để cướp lúa. Nếu cướp không được chúng gom lúa thành đống, tưới xăng đốt hết. Hấn buộc mỗi người lính phải có một cái nia bằng tre chẻ nan quạt xộc vào các đám ruộng, tuốt, đập hết lúa. Để bảo vệ nguồn lương thực, Huyện uỷ tổ chức các “Hội gặt tập đoàn” huy động cả dân, quân, chính tập trung đi gặt, lúa chín tới đâu thu hoạch xong đến đấy, gặt tới đâu giấu tới đấy. Cuộc chiến đấu bảo vệ mùa màng diễn ra vừa liên tục vừa rộ lên từng đợt. Chông lại quân địch tập trung lực lượng cướp lúa, phá mùa vùng ruộng Cây da, trung đội 6, do đồng chí Trần Văn Sinh chỉ huy đã chiến đấu chặn đánh địch suốt từ tờ mờ sáng đến chiều để bảo vệ cho nhân dân thu hoạch lúa an toàn. Đồng chí Trần Văn Sinh, công nhân, đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương đã ngã xuống trên cánh đồng Cây Da, Bình Lộc vì giữ hạt lúa cho dân.

Trên chiến trường cả huyện, cuộc chiến đấu phát triển với sự trưởng thành của các đơn vị. Trung đội 6 do đồng chí Vũ chỉ huy thường hoá trang bất ngờ diệt đồn bót, đánh vào quân địch ở thị trấn, ở trung tâm cao su, đốt nhà cửa, trụ sở chúng mới dựng lên. Bọn địch ở Xà Bang, dầu Giây, Suối râm không tránh khỏi đòn trừng trị của trung đội. Cơ động nhanh, vận động xa, đánh nhanh, giải quyết nhanh, khi ẩn, khi hiện, đó là đặc điểm của trung đội 6. “Chiếc võng ba bố Xuân Lộc” cũng được xuất hiện ở trung đội 6 và là bạn đường của các chiến sĩ.

Ở phía bắc và phía đông huyện, trung đội 4 đánh cho quân địch phải phục và sợ. Tháng 10-1946, trung đội 4 đánh phá đồn điền Bình Lộc, đồng chí liên lạc Nguyễn Thị Điều (Năm Bình Minh), dẫn đồng chí Đinh Quang Ân vào sở cao su giới thiệu với linh mục Khuê, bạn quân áo tu sĩ, đồng chí Ân trinh sát địa hình nắm tình hình địch. Ba hôm sau vào 9 giờ 30 tối, 3 cánh quân đã ém sẵn ở vị trí xung phong. Khi súng lệnh và hàng loạt bom khí đã nổ, lập tức trung đội 4 diệt và bắt gọn quân lính

bảo vệ, bắt xếp sở cùng những tên phản động thu một cối 60 ly, 5 tiểu liên, 30 súng trường. Đồng thời 500 công nhân nổi dậy đốt xe sở, kho mủ cao su, lấy máy móc, chở lương thực thuốc men ra căn cứ kháng chiến. Đồn điền Bình Lộc bị phá huỷ, đến mức không còn khai thác được.

Tháng 12-1946, trung đội 4 đánh phục kích hai trận liên trên đường Cây Đào – Rạch Đông, lấy được 2 trung liên.

Tháng 12-1946, trung đội 4 cùng trung đội 6 tập kích đồn Cây Gáo do 2 tên Pháp và 27 lính nguy đóng giữ. Ban đêm, 200 quân ta được xuống đồng bào chờ đến bên. Sáng sớm ta chia hai cánh đánh vào, cánh sau nổ súng trước, bị địch chặn lại không tiến lên được chuyển sang bắn yểm trợ và thu hút quân địch cho cánh phải trước tiến công. Khẩu trung liên địch bắn ra rất lợi hại, một phân đội trưởng hy sinh, nhiều chiến sĩ bị thương. Ta nghi binh cho khẩu trung liên “bờren” độc nhất của địch bắn đến đỏ nòng, kẹt đạn. Súng liên thanh địch đang bắn bỗng im bật. Lợi dụng thời cơ ta dùng búa tạ, phá cọc sắt xung phong. Đồn Cây Gáo bị diệt, ta thu 1 trung liên Boren, 1 súng Piat, nhiều tiểu liên súng trường và tất cả quân trang, quân dụng... bên ta một chính trị viên trung đội, một phân đội trưởng hy sinh. Công nhân sở ào ào kéo vào đồn, xé mọi giao kèo khế ước thực dân bắt ký trước đây. Bọn tây chủ sợ xin đến đóng đủ thuế ngay.

Trung đội 4 lúc đầu rất thiếu đạn. Trung liên mà phải bắn đạn nhồi lại, nhiều lần đánh địch vì trung liên bị kẹt đạn nên ta phải rút. Quốc vệ đội biết tình hình đem 500 viên đạn cho trung đội 4. Trong trận chống càn tiếp sau tại Định Quán, khi quân địch do tên Hoa Rô chỉ huy còn cách xa, đồng chí Đinh Quang Ân ra lệnh cho trung liên chỉ bắn hai phát một rồi nghỉ vờ như bị kẹt đạn. Hoa Rô tưởng súng đạn trung đội 4 như mọi lần, xua quân ào tới. Lập tức các khẩu trung liên ta nổ ròn, bắn chết nhiều địch. Trận đó ta thu nhiều súng đạn. Tên Hoa Rô và binh lính địch rất sợ, chúng gọi Đinh Quang Ân, người thợ máy sở cao su Cẩm Mỹ, là “Hùm Xám Xuân Lộc”.

Quốc gia tự vệ cuộc, quốc vệ đội của huyện lúc này tạo được nhiều cơ sở mật trong vùng địch, trong hàng ngũ của địch và lấy được nhiều súng đạn từ binh lính địch. Nhờ vậy công an sớm nắm được tình hình địch kịp báo cho trung đội 4, trung đội 6 biết mà chuẩn bị cách đối phó.

Sự đoàn kết gắn bó sống chết, giúp đỡ lẫn nhau giữa trung đội 4, trung đội 6 với quốc vệ đội, Công an huyện tạo điều kiện cho bộ đội và công an huyện hoàn thành tốt các nhiệm vụ chiến đấu.

Từ cuối năm 1946, chi đội 10 thường hoạt động ở Xuân Lộc, trung đội 4, trung đội 6 thuộc Xuân Lộc nằm trong đội hình đại đội B do đồng chí Lê Văn Ngọc làm đại đội trưởng, đồng chí Đinh Quang Ân làm đại đội phó, đồng chí Phạm Văn Khoa làm chính trị viên.

Từ tháng 5-1947, đại đội B Xuân Lộc và Chi đội 10 đánh nhiều trận tập trung từ 1 đến 2 đại đội hoặc toàn bộ chi đội ở Xuân Lộc. Quân báo và quốc vệ đội Xuân Lộc nắm địch. Đại đội B chuẩn bị chiến trường. Du kích các xã phối hợp. Nhân dân Xuân Lộc bảo đảm tiếp tế lương thực và chăm sóc thương binh.

Trận đầu là trận Bảo Chánh 1: (Tháng 1-1947). Đại đội B Xuân Lộc gồm 3 Trung đội 4, 5, 6 đánh 1 đoàn xe lửa địch. Lần đầu tiên ta dùng mìn điện do xưởng chi đội 10 chế tạo bằng đạn pháo 75, diệt cả đoàn xe lửa. Ta thu được một số súng trong đó có một đại diện.

Trận thứ hai: Trận Trảng Táo (tháng 5-1947) bộ đội gồm 5, 6 trung đội, từ núi Chứa Chan hành quân 1 ngày tới trận địa phục kích. Trận này ta không dùng mìn mà tháo ốc đường ray dùng dây kéo chệch khi xe sắp qua. Đoàn xe lửa bị đứt làm đôi, đoạn đầu chạy bánh trên bánh dưới về đến ga Gia Huynh. Đoạn sau lao theo đường ray kéo chệch, chạy qua chỗ bộ đội phục kích tới 1 km mới bị đổ. Lập tức bộ đội xung phong chạy đuổi theo diệt địch. Ta thu được 2 đại liên, 20 súng trường và tiểu liên và 1 toa gạo gồm 100 bao.

Trận Bảo Chánh vừa xong, trận Trảng Táo sắp bắt đầu. Chi đội cùng Huyện uỷ Xuân Lộc được đón đồng chí Lê Duẩn, uỷ viên Trung ương Đảng, trên đường từ nam Trung Bộ vào đến núi Chứa Chan. Đồng chí Lê Duẩn lưu lại căn cứ huyện tìm hiểu bộ đội đánh giặc. Đồng chí Lê Duẩn khen bộ đội hăng hái, dũng cảm, thông minh nhưng còn thiếu trật tự, kém kỷ luật nhà binh. Huyện uỷ Xuân Lộc báo cáo tình hình của huyện với đồng chí Lê Duẩn. Đồng chí chuyên lời thăm hỏi, niềm thương nhớ của Hồ Chủ Tịch, Trung ương Đảng và Chính phủ đến đồng bào và chiến sĩ, nói chuyện với cán bộ về tình hình nhiệm vụ cách mạng, về đường lối củ cuộc kháng chiến, về việc phát động toàn dân đánh giặc, xây dựng, bảo vệ dự trữ ta để đánh lâu

dài thẳng địch. Đồng chí Huỳnh Văn Nghệ kính tặng đồng chí Lê Duẩn khẩu súng Mauser 765 chiến lợi phẩm.

Trận Bảo Chánh 2: (Tháng 6-1947) ta đánh 1 đoàn xe lửa diệt 1 đầu máy Pacific thu 1 số súng. Sau trận Bảo Chánh 2, địch tập trung bộ phoá cản trả đũa. Chúng tập trung cả 12 khẩu phoá bắn vào phía căn cứ ta. Đồng thời dùng máy bay ném bom phá. Ba trái bom 100 kg không nổ, được dân đánh dấu báo cho bộ đội.

Trận Bàu Cá: Xảy ra vào dịp ngày lễ Quốc khánh của Pháp 14-7-1947, chi đội 10 tập trung lực lượng lớn (5, 6 trung đội) sử dụng 3 trái bom 100 kg đã trở thành mìn diệt một lúc 2 đoàn xe lửa. Ta diệt 200 tên địch, thu 60 súng cả đại liên, trung liên và 2 máy vô tuyến điện.

Tháng 5-1947, đàn áp cuộc đấu tranh của công nhân đồn điền Cốc Rang, quân địch đã bắn chết các anh Nguyễn Văn Thương, Lê Văn Rô và anh Hiệu.

Anh Hiệu mất để lại cho chị Hiệu 4 đứa con nhỏ, chị Hiệu vẫn tiếp tục hoạt động cách mạng, làm liên lạc cho du kích. Tháng 9-1947, bọn lính cướp rô bánh của chị khi đem đi bán, phát hiện mật thư trong cái bánh ít. Chúng tập trung dân lại đem 4 con nhỏ của chị ra hồng uy hiếp chị đầu hàng, khai báo. Chị một mực “Tôi thà để con lại nhờ bà con”. Kẻ địch đập chết chị.

Ngày 10-10-1947, tại thị trấn Xuân Lộc trường ban công tác liên thôn 10 nhận nhiệm vụ bắn cảnh cáo tên cai tổng Liên Khắc Trương. Mặc quần áo thượng sĩ nguy, đồng chí vờ ngồi hớt tóc theo dõi địch trong gương, thấy tên Trương đi tới mình còn khoác áo choàng, đồng chí lao ra bắn gãy tay tên Trương đang từ cuộc họp thăng quan về, băng cờ tam tài chéo trên áo thụng.

Ngày 3-11-1947, Xứ uỷ nam Bộ quyết định tổ chức phát triển dân quân, lập phòng dân quân Nam Bộ. Tỉnh đội bộ dân quân Biên Hoà thành lập tại Xuân Lộc, các ban công tác liên thôn 9 và 10 hợp nhất lại, tổ chức thành huyện đội bộ dân quân do đồng chí Võ Văn Đức làm huyện đội trưởng, đồng chí Lộc, đồng chí Tâm làm phó. Huyện đội dân quân chịu sự lãnh đạo của Huyện uỷ và nằm trong Uỷ ban kháng chiến huyện. Lực lượng vũ trang ở cấp huyện là đội du kích tập trung gồm các chiến sĩ ở hai ban công tác chuyên sang. Mỗi xã đều thành lập đội du kích xã và tổ chức dân quân. Ở các sở cao su cũng tổ chức dân quân và đội du kích. Với tinh thần và phương pháp tổ chức mới, Huyện uỷ phát huy được năng lực hoạt động toàn diện về công tác

và chiến đấu của lực lượng vũ trang, tổ chức và huy động được sức chiến đấu, bảo vệ địa phương của nhân dân và du kích.

Tháng 10-1947, đại đội B diệt bót cầu Là Ngà, tập kích bất ngờ diệt và bắt sống toàn bộ một trung đội địch thu toàn bộ vũ khí và quân dụng, xông phá bót, đốt cầu Là Ngà, cầu đúc không sập nhưng khuyụ xuống. Giao thông giữa Sài Gòn – Đà Lạt bị tắc. Giá sinh hoạt ở Đà Lạt tăng vọt. Việc diệt bót Là Ngà gợi ý cho các đồng chí chỉ huy đại đội B về một trận đánh diệt địch trên lộ 20-Trận là Ngà.

TRẬN LÀ NGÀ

Là Ngà ở phía đông bắc Sài Gòn cách 80 km theo đường chim bay, nằm trên cột cây số 101 nơi quốc lộ 20 đi qua sông la Nhà. Quãng đường quốc lộ 20 từ Là Ngà lên Định Quán dài 13 km rải nhựa phẳng phiu, nhưng quanh công tác khúc khuỷu, có nhiều đoạn dốc dài đi lên cao từ 10 đến 15 độ. Hai bên đường toàn rừng già. Phía tây có nhiều dãy đất nhô lên, phía đông dốc xuống thoải thoải, nhiều chỗ có vực sâu.

Nhiệm vụ đánh Là Ngà, trên giao cho chi đội 10 do đồng chí Huỳnh Văn Nghệ chỉ huy, liên quân 17, kết hợp với lực lượng địa phương chuẩn bị trận đánh. Đánh ở đây, vấn đề khó khăn nhất là gạo. Tỉnh uỷ Biên Hoà do đồng chí Phạm Văn Thuận làm bí thư, giao nhiệm vụ cho Huyện uỷ Xuân Lộc lo lương thực, lập kho bí mật, rải rác từ căn cứ đến vùng Là Ngà.

Tháng 11-1947, 1 đội trinh sát gồm chiến sĩ trinh sát Xuân Lộc, trinh sát chi đội 10, cán bộ địa phương lên đường đi Là Ngà. Đội phải luôn rừng vượt núi tự mở đường đến vùng ngã 3 sông Đồng Nai – là Ngà. Đội tìm đến vùng đồng bào Châu Ro, liên lạc với các cơ sở trong đồn điền, trong vùng gom dân, cử người đi lẫn với đồng bào đi làm xâu để tìm hiểu qui luật hoạt động của địch ở đây, tìm hiểu các đoàn xe địch.

Trong khi đó công tác chuẩn bị gạo được đẩy mạnh. Nhân dân chạy giặc sống phân tán trong những nơi hẻo lánh, đường đi lại hiểm trở. Cán bộ của huyện phải lần đến từng lán, từng chòm để huy động gạo. Đồng bào dân tộc tin cán bộ, thương bộ đội sẵn sàng ăn củ, vét từng lon gạo, lon bắp để góp. Việc huy động gạo trong đồn điền, trong các khu gom dân cũng rất khó khăn. Địch kiểm soát rất gắt gao, tra hỏi

đánh đập bắn giết. Nhưng nhân dân vùng Là Ngà – Định Quán bắt chấp súng đạn, tìm mọi cách chuyển được gạo ra ngoài vòng vây của chúng.

Vào giữa tháng 2-1948, Huyện uỷ Xuân Lộc đã huy động đủ gạo cho 1000 người ăn trong 17 ngày.

Về vấn đề nước uống, chính trị viên Phạm Văn Khoa hướng dẫn một đội công tác, lao động rất vất vả trong nhiều ngày chuẩn bị trước tại các địa điểm tập trung nhiều thùng phuy nước, cứ 200 mét 1 thùng.

Đồng chí Chủ tịch huyện Nguyễn Văn tạo tổ chức đánh cá làm lương khô cho bộ đội.

Đồng chí Nguyễn Văn Lung chỉ đội phó chỉ đội 10 trực tiếp chỉ huy trận đánh. Đồng chí Võ Cương làm chính trị viên.

Ngày 25-12-1948, sau hai ngày hành quân vất vả, bộ đội phá chiến khu Đ, bộ đội Xuân Lộc phá đường 1 đều đến vị trí phục kích.

Vấn đề khó khăn là làm sao chon các quả địa lôi vào lòng đường nhựa phẳng phiu, bắt dây dẫn điện mà quân địch không thể phát hiện, anh em công binh và xưởng quân giới do đồng chí Bùi Cát Vũ chỉ huy đã khéo léo chon địa lôi lấy từng đụn phân voi đặt lên trên.

Đoàn xe địch từ Sài Gòn ngày 1-03-1948 chở sĩ quan cấp cao Pháp ở Đông Dương và một số nhân vật thuộc Quốc hội Pháp lên họp hội nghị tại đà lạt.

Địa điểm phục kích đặt trên quãng Là Ngà – Định quán từ km số 104 đến km số 113, chia làm 3 trận địa, trận địa C ở km số 104, trận địa B ở giữa, trận địa A ở km số 113.

Đoàn xe xuất phát từ Sài Gòn khi trời bắt đầu sáng đã đến Biên Hoà một cách bình thường. Nhưng khi đến Hồ Nai thì bắt đầu gặp chướng ngại: đường bị đào, cây ngã ngang đường, có nơi còn gặp du kích bắn quấy rối. Đoàn xe phải dừng lại từng lúc. Đoạn đường Sài Gòn – Dầu Giây, các đoàn xe khác chỉ mất non 3 tiếng đồng hồ. Đoàn xe này phải bỏ gần 6 tiếng. Du kích Xuân Lộc và du kích Vĩnh Cửu đã trì hoãn được quân địch⁵. Từ Dầu Giây trở đi, đoàn xe chạy trót lọt. Đã tạo cho địch cảm giác “Đường 20 con đường an toàn”.

⁵ Đánh địch thuận tiện nhất là lúc 15-16 giờ, lúc đó trời có sương mù, hạn chế được máy bay địch, đồng thời vào giờ đó, địch không thể tiếp viện được. Nhiệm vụ trì hoãn địch được giao cho du kích Xuân Lộc và Vĩnh Cửu.

15 giờ 2 phút, đoàn xe bắt đầu vào trận địa C rồi trận địa B.

15 giờ 15 phút chiếc thiết giáp đi đầu vừa đến cuối trận địa A. Trên dốc Định Quán. Lập tức 3 trái địa lôi nổ xé trời, chiếc thiết giáp bị hất tung lên. Ba xe chở lính hộ tống thì 2 chiếc bị trúng địa lôi. Tên chỉ huy đoàn xe cùng bộ phận thông tin chết ngay tại chỗ.

Ở phía là Ngà xe địch tiếp tục đi vào trận địa, đến 15 giờ 14 phút, địa lôi ở trận địa C nổ. Toàn mặt trận đã nổ súng.

Lực lượng chiếm lĩnh trận địa A là bộ đội Xuân Lộc, gồm đại đội B, 1 tiểu đội du kích huyện, quốc vệ đội, do đồng chí Lê Văn Ngọc và đồng chí Đinh Quang Ân chỉ huy. Địa lôi vừa nổ ta tập trung hỏa lực bắn mãnh liệt vào chiếc xe hộ tống thứ 3 và đồng loạt xung phong. Địch bị tê liệt hoàn toàn – xác định chết ngôn ngang. Những tên sống sót giờ tay xin hàng.

Ở trận địa B liên quân C, do đồng chí Hoàng Minh Chánh chỉ huy tiêu diệt gọn 28 xe trong 5 phút. Địch chết tại chỗ 36 tên. Ta vô sự.

Ở trận địa C khi địa lôi nổ, đại đội C do đại đội trưởng Nguyễn Văn Quang chỉ huy lập tức xung phong. Trong 10 phút ta giải quyết xong trận địa chiếm 16 xe, gồm 3 xe chở lính, 13 xe vận tải, vừa lúc đó tốp cuối cùng của đoàn xe từ Là Ngà – Địch chết trên mặt đường 31 tên, bên ta 2 chiến sĩ bị thương, 2 chiến sĩ hy sinh.

Trận đánh kết thúc lúc 15 giờ 37 phút với thắng lợi lớn, ta diệt 59 chiếc trên 70 chiếc xe, 2 đại đội quân Pháp 150 tên, 25 sĩ quan cao cấp và tham mưu. Trong đó có 2 đại tá: đại tá Đờ-xê-ri-nhê (De Serigné) chỉ huy lữ đoàn Lê Dương thứ 13 (13 DBLE) và đại tá Pa-tơ-ruýt) phó tổng tham mưu trưởng thứ nhất quân đội Pháp ở Viễn Đông.

Một tiếng sau khi ta thu dọn chiến trường rút đi (17h) 3 máy bay địch lên tiếp cứu bắn dữ dội vào những đồng lửa nghi binh ta đốt lên phía đông quốc lộ.

Nửa đêm viện binh địch từ Đà Lạt kéo xuống, từ Biên Hoà đi lên mới đến vùng Là Ngà.

Chiến thắng Là Ngà ngày 1-3-1948 đã vang dội mạnh mẽ tới cả nước ta và sang cả nước Pháp, làm náo động cả Quốc hội Pháp.

Bác Hồ tặng thưởng đội đánh thắng Là Ngà Huân chương Quân công hạng 2 (đến lúc đó chưa tặng cho đơn vị nào).

Nhân dân Xuân Lộc đã góp phần tạo nên trận đánh, đã gian khổ hy sinh chuẩn bị cho chiến thắng. Các chiến sĩ Xuân Lộc, bộ đội và công an, góp phần cùng các chiến sĩ chi đội 10, liên quận 17 lập công lớn.

Chiến thắng Là Ngà cổ vũ mạnh mẽ phong trào kháng chiến xây dựng phát triển lực lượng vũ trang ở Xuân Lộc, ở miền Đông, đánh dấu bước phát triển mới tiến lên đánh lớn của bộ đội Nam Bộ.

III – VƯỢT QUA NHỮNG THỬ THÁCH MỚI

Từ giữa năm 1948, với chính sách “lấn dân, vét dầu loang” và hệ thống tháp canh dày đặc của tên tướng Pháp Đờ-la-tua, tại Xuân Lộc, ngoài hệ thống đồn bót, lô cốt trên các quốc lộ 1 và 20, chúng dựng từng dãy tháp canh trên các đường xung quanh và cả ở trung tâm các sở cao su... Tại các sở chúng còn dựng các hàng rào con nhím bằng tre để ngăn cán bộ, bộ đội thâm nhập. Hệ thống gián điệp phòng nhì của giặc tại Xuân Lộc có hệ thống tay sai chỉ điểm của chủ sở cao su bổ sung nên rất dày.

Lúc này chi đội 10 chuyển thành trung đoàn 210. Đại đội B thành tiểu đoàn Quốc Tuấn do đồng chí Đinh Quang Ân làm tiểu đoàn trưởng. Huyện đội bộ dân quân Xuân Lộc do đồng chí Võ Văn Đức làm huyện đội trưởng, sau đó đồng chí Phạm Lạc làm huyện đội trưởng. Đầu năm 1949, trung đoàn 310 Biên Hoà nhập cùng trung đoàn 301 (Thủ Dầu Một) thành liên trung đoàn 301 – 310; 2 đại đội của tiểu đoàn Quốc Tuấn được điều về cùng một số đại đội khác xây dựng thành tiểu đoàn tập trung 302 của liên trung đoàn. Đại đội 6 được mang tên La Nha sau chiến thắng Là Ngà, trở thành đại đội độc lập của huyện Xuân Lộc.

Cơ quan lãnh đạo của huyện cũng có sự thay đổi. Năm 1948 đồng chí Ngô Tiến chuyển lên tỉnh. Đồng chí Hoàng Minh Đức làm bí thư Huyện uỷ, đồng chí Tri làm Chủ tịch uỷ ban kháng chiến, đồng chí Tạo chuyển sang công tác kinh tế – tài chính. Đồng chí Lê Văn Vận chuyển về công binh xưởng khu 7.

Thời kỳ này công tác phát triển đảng được đặc biệt quan tâm. Thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng xây dựng phát triển Đảng. Đảng bộ Xuân Lộc đã tuyên truyền, kết nạp vào đảng nhiều cán bộ chiến sĩ tiên tiến, nhiều công nhân, nhiều thanh niên các dân tộc ít người. Đến cuối năm 1949 số lượng đảng viên so với năm 1947 tăng lên 5-6 lần. Các sở cao su các xã, các đại đội vũ trang đều có chi bộ. Tuy nhiên, do

công tác phát triển đảng viên mới chưa được chặt chẽ, nên chất lượng của một số đảng viên chưa cao.

Trong lãnh đạo của Huyện uỷ đã chú trọng nâng tính chất toàn diện và tập thể, bớt phần dựa dẫm và câu nệ lẫn nhau. Đồng chí Lê Văn Kiểu nghiệp đoàn. Cao su, thường trực Huyện uỷ đã nêu gương tốt, trong công tác lãnh đạo sâu sát, toàn diện, cả quân sự, chính trị, địch vận, kinh tế tài chính, được tập thể Đảng bộ và quần chúng tin nhiệm.

Trên chiến trường cuộc chiến đấu của tiểu đoàn Quốc Tuấn tiếp đó của đại đội La Nha và công an vũ trang vẫn tiếp tục phát triển. Tại đây ít có những trận lớn nhưng hoạt động của lực lượng vũ trang địa phương gia tăng. Đại đội La Nha, công an, du kích cao su, du kích các xã chống càn quét lần chiếm tiên hành “giao thông chiến...”, “kinh tế chiến” phục kích trên các lộ đánh xe lửa, đánh phá cao su, đánh địch trong nội ô thị trấn. Ngày 8-1-1948, đại đội La Nha hoá trang thành lính Pháp, có nhân môi trong binh lính nguy làm nội ứng. Ban đêm đột nhập thị trấn, cắt lưới thép gai xông thẳng vào bót cai Tổng Thuận, gọi hàng toàn bộ binh lính địch thu 30 súng, xong rút ra công chính. Tháng 3-1949, có công nhân sở chuẩn bị chiến trường, đại đội La Nha theo đường xe lửa từ Dầu Giây tiến xuống, lần này cũng hoá trang thành lính Pháp tập kích bất ngờ đồn tân Lập, tước vũ khí toàn bộ binh lính địch, chiếm và phá đồn. Ta thu 20 súng và nhiều đạn.

Đấu tranh chính trị phát triển mạnh ở các sở cao su. Công nhân đấu tranh đòi tăng lương, bớt giờ làm, đòi khoán công, khoán việc tự quản lý, bớt lính đi kèm. Ngày 1-5-1948, nhân vụ địch khủng bố, bắt và giết anh Dur, một đám tang lớn, gồm toàn bộ công nhân các sở lân cận đã được tổ chức. Đám tang đã trở thành cuộc mít tinh, diễu hành biểu dương lực lượng của hàng ngàn người nhằm tố cáo tội ác của giặc. Quân địch đưa 4 xe bù lu đến đàn áp đã phải chuyển sang đi đưa tang.

Để chống chiến tranh du kích, quân Pháp ra sức phá hoại sản xuất, nhất là ra sức càn quét đánh phá các làng các vùng. Chúng nhổ từng gốc mì, chặt từng bụi mía. Chúng bắn phoá, ném bom vào những nơi nghi có rẫy, có ruộng. Chúng thường cho ai bắn chết được trâu, bò. Chúng cho dân chằng những không sản xuất được mà còn không dám ở lại. Chúng tìm mọi cách gom dân vào xung quanh các đồn bót, biến nhiều vùng đất đai thành vùng không có người, vùng trắng. Trước đây, bọn chủ sở

dùng các làng xóm, buôn sóc bao quanh các đồn điền để bảo vệ vùng cao su, nay chúng rất sợ đồng bào các dân tộc, vì đây chính là cơ sở của chiến tranh du kích kết hợp của công nhân và nông dân các dân tộc để đánh địch.

Lực lượng vũ trang địa phương ra sức đánh địch càn quét bảo vệ nhân dân, bảo vệ sản xuất. Nhiều cán bộ chiến sĩ, bộ đội du kích đã hy sinh thân mình vì bảo vệ dân. Nhưng địch tập trung mọi cố gắng, quyết phá sạch, đuổi sạch. Đồng bào các dân tộc lâm vào cảnh thiếu thốn, có người đã phải chết đói. Tính mạng đồng bào bị bom đạn đe dọa hàng ngày. Trước tình hình đó, Huyện uỷ chủ trương khuyến đồng bào có thể vào tạm vùng gom dân của địch. Đồng bào dân tộc quyết “đi theo cách mạng” nhất quyết “không ở hai lòng” thà chết nhưng một mực ở lại kháng chiến. Tỉnh uỷ chủ trương đưa đồng bào về Bàu Lâm vào chiến khu Đ xây dựng các làng mới; làng Cộng Hoà, làng Tứ Hiệp. Một số khác chuyển về Chợ Lớn – Tân An, hàng 5 ngàn dân đã được di chuyển trong thời kỳ này. Các địa phương đã đón đồng bào các dân tộc với sự thông cảm sâu sắc. Tại Bàu Lâm, đồng chí Nguyễn Trọng Vỹ, bí thư chi bộ của 3 xã tận tình giúp đỡ bà con dân tộc với tình thương yêu giai cấp, đồng cam cộng khổ.

Dân trong huyện chuyển đi. Địch tạo ra các vùng trắng ở xung quanh các sở cao su và thị trấn, đã cô lập các sở và làm gián đoạn sự liên kết chiến đấu của công nhân cao su với nông dân trong vùng, tác động đến phong trào chiến đấu của nhân dân toàn huyện.

Đầu năm 1947, phòng nhì Pháp cài và đưa một số tên gián điệp vào trong cơ quan của ta, gây nên một số thiệt hại. Nhưng do ý thức cảnh giác. Cán bộ và nhân dân đã phát hiện ra chúng và chúng đã bị bắt.

IV – CHUYỂN THỂ PHONG TRÀO.

Cuối năm 1950, phối hợp với chiến dịch biên giới Cao Bắc Lạng, Bộ Tư lệnh khu 7 mở chiến dịch Bến Cát, tiến công địch ở Rạch Bắp, Bến Súc, trên đường 7. Nhân dân và lực lượng vũ trang Xuân Lộc đã tích cực góp sức của sức người cho chiến dịch. Phối hợp với chiến dịch công nhân cao su các sở Xuân Lộc nổi dậy phá hết các hàng rào tre bao vây các làng sở.

Sang năm 1951, bộ đội chủ lực của ta liên tiếp mở các chiến dịch lớn ở các chiến trường chính ở Bắc Bộ. Càng bị động, thiệt hại ở Bắc Bộ, quân đội Pháp càng ra sức chiếm đóng, củng cố Nam Bộ. Ở miền Đông chúng đánh phá lần chiếm vào chiến

khu Đ, chiếm đóng các lổm căn cứ của ta. Vùng giải phóng ở Xuân Lộc chỉ còn vùng rừng cây, rừng lá, từ Gia Rây ra suối Đá Bạc.

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội lần thứ hai của Trung ương Đảng về công tác vùng du kích và vùng bị tạm chiếm. Tỉnh uỷ Thủ Biên⁶ xác định Xuân Lộc là huyện thuộc vùng bị tạm chiếm. Vùng giải phóng còn lại của Xuân Lộc sát nhập vào Xuyên Mộc tỉnh Bà Chợ và giao cho ban cán sự Đảng huyện Xuân Lộc thống nhất lãnh đạo cả quân sự, chính trị, kinh tế. Đồng chí Lê Sắc Nghi được cử làm bí thư ban cán sự Đảng huyện Xuân Lộc. Đại đội La Nha cùng các lực lượng công an, cán bộ Đảng, công đoàn được thống nhất tổ chức lại thành đội vũ trang tuyên truyền Xuân Lộc do ban cán sự trực tiếp lãnh đạo. Đội vũ trang tuyên truyền Xuân Lộc do đồng chí Khoát làm đội trưởng, các đồng chí Khai, Bạch làm đội phó, đồng chí Nguyễn Hy Vọng làm chính trị viên.

Tại các sở An Lộc, Dầu Giây, Túc Trưng... Liên hiệp công đoàn tỉnh Thủ Biên còn tổ chức 5 đội công tác, mỗi đội có từ 15 đồng chí đến 20 đồng chí.

Phương châm hoạt động trong vùng du kích và tạm bị chiếm của Trung ương Đảng như mở lối ra cho công tác và chiến đấu của Đảng bộ Xuân Lộc. Cán bộ chiến sĩ tuyên truyền vũ trang Xuân Lộc phần chần đi vào các sở, các làng. Chịu đựng gian khổ khó khăn, nhịn đói, nhịn khát, đào củ thay gạo, vượt qua sự tuần tiễu biệt kích, luồn qua đồn bót, tháp canh, cán bộ chiến sĩ đột nhập vào các sở cao su, về thị trấn: Từ chỗ ở bên ngoài nằm bờ, nằm bụi các chiến sĩ được công nhân hỗ trợ, đã vào ở được bên trong các làng sở, được công nhân và gia đình công nhân bảo vệ. Các đội này đã phổ biến cho nhân dân biết về tình hình phát triển của cuộc kháng chiến trên cả nước, củng cố lòng tin, nâng ý thức cách mạng trong công nhân và nông dân.

Công nhân góp gạo, mắm muối, thuốc men và tài chính nuôi dưỡng đội vũ trang tuyên truyền. Trong đấu tranh với địch, công nhân báo thêm công, thêm người, nhận khoán, để thăng thêm phần gạo, tiền cung cấp cho kháng chiến.

Hoạt động vũ trang của các đội công tác nhằm phục vụ xây dựng cơ sở và phong trào đấu tranh chính trị của công nhân. Phối hợp với công nhân, các đội cảnh cáo những tên chỉ điểm, trừng trị những tên tay sai gian ác. Các đội hướng dẫn các cơ sở vận động binh lính nguy làm việc cho ta, hoặc vác súng ra rừng kháng chiến. Năm

⁶ Lúc này tỉnh Biên Hoà và tỉnh Thủ Dầu Một nhập thành tỉnh Thủ Biên